

1.4 JCC lần thứ tư

**BIÊN BẢN CUỘC HỌP BAN ĐIỀU PHỐI CHUNG LẦN THỨ TƯ
CỦA
DỰ ÁN TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC VỀ QUẢN LÝ TỔNG HỢP CHẤT THẢI RẮN ĐÔ THỊ
TẠI VIỆT NAM**

Theo Biên bản Thảo luận (dưới đây được gọi tắt là R/D) được kí giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (dưới đây được gọi là “Chính phủ Việt Nam”) và Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (dưới đây được gọi là “JICA”) vào ngày 17/6/2013, phía Việt Nam và phía Nhật Bản đã cùng tổ chức Cuộc họp Ban điều phối chung (dưới đây được gọi tắt là JCC) lần thứ tư tại Hà Nội vào ngày 12/4/2017

JICA đã cử Đoàn chuyên gia JICA (JET) nhằm thực hiện Dự án Tăng cường Năng lực Quản lý Tổng hợp Chất thải rắn Đô thị tại Việt Nam, gọi tắt là Dự án Chất thải rắn Việt Nam. JET và Ban Điều phối, Ban Quản lý Dự án (PMU) cùng các đối tác của Dự án đã làm việc cùng nhau để điều chỉnh Ma trận thiết kế dự án (PDM) và Kế hoạch hoạt động năm 2017 (APO).

Kết quả là, bản điều chỉnh của PDM và Kế hoạch hoạt động năm 2017 đã được hoàn thiện để trình lên cuộc họp Ban điều phối chung lần này và được thống nhất trong cuộc họp Ban điều phối chung.

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2017

Ông Naoki Kakioka
Đại diện cao cấp
Cơ quan hợp tác Quốc tế Nhật Bản
Văn phòng Việt Nam
NHẬT BẢN

Ông Nguyễn Hồng Tiến
Cục trưởng
Cục Hạ tầng kỹ thuật
Bộ Xây dựng
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chứng kiến bởi

Ông Hideki Wada
Trưởng đoàn chuyên gia JICA
NHẬT BẢN

Ông Đồng Phước An
Phó Giám đốc
Sở Xây dựng Hà Nội
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Ông Vũ Cường
Phó Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Ông Nguyễn Đại Viên
Phó Giám đốc
Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

I. Giới thiệu

Nội dung cuộc họp JCC lần thứ tư bao gồm:

- Trình bày báo cáo kết quả thực hiện Dự án năm 2016.
- Kế hoạch hoạt động năm 2017 (APO 2017) và điều chỉnh Ma trận thiết kế dự án (PDM)

Danh sách tham gia cuộc họp JCC lần thứ tư được đính kèm trong Phụ lục 1.

II. Những điểm chính đã được thảo luận

Các đại biểu tham gia cuộc họp đã nêu ý kiến góp ý, thảo luận và đi đến thống nhất nội dung Báo cáo kết quả thực hiện Dự án, APO 2017 và PDM.

1. Bản Kế hoạch hoạt động năm 2017

Bản Kế hoạch hoạt động năm 2017 đã được đề xuất và đính kèm tại Phụ lục 2.

Các điểm điều chỉnh chính như sau:

- Hoạt động 1.1.2 liên quan đến dự thảo điều chỉnh Nghị định số 59/2007/NĐ-CP sẽ được tiếp tục thực hiện theo kế hoạch đính kèm tại Phụ lục 2.
- Đoàn chuyên gia JICA sẽ thực hiện đóng góp các tư vấn kỹ thuật đối với bản Quy hoạch xử lý chất thải rắn hiện tại của Hà Nội trong khuôn khổ các hoạt động của Đầu ra số 2.
- Đối với hoạt động 1.8.3, "Hướng dẫn các tiêu chí của chương trình cấp chứng chỉ" thay cho "Chương trình cấp chứng chỉ" sẽ được xây dựng và thử nghiệm tại Chương trình giao lưu học tập – CSS của hoạt động 1-8-2.

2. Chỉnh sửa PDM

Bản PDM đã được thống nhất trước đó trong cuộc họp JCC lần thứ 3 (đính kèm tại Phụ lục 3) có bao gồm các giá trị mục tiêu của các Chỉ số đánh giá khách quan cần được xác định trong cuộc họp JCC lần thứ 4 này. Các giá trị mục tiêu trong bản PDM này được đính kèm trong Phụ lục 4)

Các giá trị mục tiêu được giải thích như sau:

- Chỉ số đánh giá khách quan "X" của Mục tiêu tổng thể: Đến tháng 3 năm 2022, ít nhất ba địa phương lập mới/điều chỉnh hoặc đang trong tiến trình lập mới/điều chỉnh Quy hoạch quản lý "tổng hợp" CTR
- Chỉ số đánh giá khách quan "Y" của Mục tiêu dự án (mục số 1): Khi kết thúc Dự án, ít nhất 80% dự thảo các văn bản pháp luật về QLCTRĐT đã xây dựng hoặc điều chỉnh bởi Dự án được BXD trình cấp có thẩm quyền, với điều kiện "tài liệu văn bản quy phạm pháp luật có được trình lên cơ quan có thẩm quyền" hay không sẽ được tiếp tục cân nhắc do quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật phụ thuộc vào nội dung của văn bản.
- Đối với chỉ số đánh giá khách quan số 2, 3 và 4 của Mục tiêu dự án: Khi kết thúc Dự án, cán bộ của BXD, SXD Hà Nội, tỉnh Thừa Thiên Huế sẽ tăng cường năng lực quản lý một cách toàn diện hơn theo các hạng mục đánh giá năng lực. Các hạng mục đánh giá năng lực được đính kèm trong nội dung của Phụ lục 4 sẽ được sử dụng để đánh giá năng lực và điểm 7.0 được thống nhất là giá trị mục tiêu.
- Chỉ số đánh giá khách quan "Z" của Đầu ra số 1: Khi kết thúc Dự án, 100% các dự thảo tài liệu hướng dẫn đã xây dựng thông qua Dự án, được chấp thuận bởi Cục HTKT-BXD để hỗ trợ về chính sách cho chính quyền địa phương, với điều kiện "Chương trình cấp chứng chỉ" sẽ được thay thế bằng "Hướng dẫn các tiêu chí của chương trình cấp chứng chỉ". Nguyên nhân là do mặc dù Cục HTKT, BXD chấp nhận nội dung này nhưng vẫn cần phải thảo luận thêm để có thể thực hiện được chương trình cấp chứng chỉ.

3. Quản lý dự án Đầu ra số 2
Do thay đổi về tổ chức của phía Hà Nội, Quản lý Dự án của Đầu ra số 2 đã thay đổi. Ông Trần Anh Tuấn- Phó Giám đốc Ban duy tu các công trình hạ tầng kỹ thuật được SXD Hà Nội quyết định đề cử cho vị trí Quản lý Dự án và đã được thông qua tại buổi họp JCC lần thứ tư.
4. Đầu ra số 3
Sau 6 tháng thực hiện các dự án ưu tiên tại tỉnh Thừa Thiên Huế, JET, Cục Hạ tầng kỹ thuật và đối tác tại tỉnh Thừa Thiên Huế đã cùng nhau đánh giá kết quả ban đầu thực hiện các dự án ưu tiên này. Theo đó, việc thực hiện các dự án ưu tiên theo đúng quy mô, số lượng đã đặt ra trong kế hoạch ban đầu hay cần điều chỉnh sẽ được các bên cân nhắc thảo luận và đi đến thống nhất trong thời gian sớm nhất.

III. Kết luận

1. Xác nhận biên bản chính thức của buổi họp JCC
Bản tiếng Anh được coi là biên bản chính thức của buổi họp JCC này. Bản tiếng Việt được soạn thảo cho mục đích tham khảo. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt, bản tiếng Anh sẽ được sử dụng là căn cứ để các bên đối chiếu.
2. PDM và APO 2017:
Bản APO 2017 được thống nhất điều chỉnh như đính kèm tại Phụ lục 2. Các giá trị mục tiêu trong bản PDM đính kèm tại Phụ lục 3 cũng đã được thông qua và nêu trong Phụ lục 4. Theo đó, bản PDM với giá trị mục tiêu của các Chỉ số đánh giá khách quan đã được thông qua và đính kèm tại Phụ lục 5.

IV. Danh sách các phụ lục

- Phụ lục 1. Danh sách đại biểu tham dự cuộc họp JCC lần thứ tư
- Phụ lục 2. Kế hoạch hoạt động năm 2017
- Phụ lục 3. Ma trận thiết kế dự án (bản thông qua tại cuộc họp JCC lần thứ 3)
- Phụ lục 4. Giá trị mục tiêu của các Chỉ số đánh giá khách quan được thảo luận trong Cuộc họp JCC lần thứ tư
- Phụ lục 5. Ma trận thiết kế dự án bao gồm giá trị mục tiêu (bản thông qua tại cuộc họp JCC lần thứ 4)

Phụ lục 1. Danh sách đại biểu tham dự cuộc họp JCC lần thứ 4

Đối tác	TT	Tên	Chức vụ, cơ quan
Đối tác Việt Nam	1	Nguyễn Hồng Tiến	Cục trưởng, Cục Hạ tầng kỹ thuật (Cục HTKT), Bộ Xây dựng (BXD)
	2	Trần Anh Tuấn	Giám đốc dự án Phó Cục trưởng, Cục HTKT, BXD
	3	Đặng Anh Thư	Phó Giám đốc Dự án/ Trưởng phòng Quản lý chất thải rắn (Phòng QLCTR), Cục HTKT, BXD
	4	Lê Thu Thủy	Phó trưởng phòng, Phòng QLCTR, Cục HTKT, BXD
	5	Hoàng Mạnh Hiệp	Chuyên viên phòng QLCTR, Cục HTKT, BXD
	6	Trần Kiều Anh	Như trên
	7	Nguyễn Xuân Bách	Như trên
	8	Nguyễn Thị Bích Huệ	Phó Vụ trưởng, Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Xây dựng
	9	Nguyễn Văn Quý	Phó trưởng phòng, Phòng Hạ tầng kỹ thuật, Sở Xây dựng Hà Nội
	10	Đình Minh Trí	Chuyên viên Phòng Hạ tầng Kỹ thuật, Sở Xây dựng Hà Nội
	11	Phạm Hải Dương	Chuyên viên phòng Tổng hợp - Chi cục Bảo vệ Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
	12	Vũ Cường	Phó Tổng giám đốc, URENCO Hà Nội
	13	Nguyễn Đại Viên	Phó Giám đốc Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế
	14	Bạch Minh Tuấn	Trung tâm thông tin, Bộ Xây dựng
JICA	15	Naoki Kakioka	Phó trưởng đại diện JICA Việt Nam
	16	Akiko Urakami	Cố vấn lập dự án, JICA Việt Nam
	17	Toshiyuki Yamasaki	Chuyên gia chính sách môi trường JICA
	18	Đào Tố Cẩm	Cán bộ chương trình, JICA Việt Nam
Đoàn chuyên gia JICA	19	Hideki Wada	Trưởng đoàn, Đoàn chuyên gia JICA
	20	Nguyễn Hương Giang	Cán bộ, Đoàn chuyên gia JICA
	21	Lê Minh Ngọc	Như trên
	22	Ngô Thị Lan Phương	Như trên

STT	Mô tả chi tiết	Mã dự án	Đơn vị thi công			Đơn vị lắp đặt			Đơn vị vận hành			Kỳ vận hành	Số người vận hành	Số giờ vận hành	Mã ngành nghề kinh tế	Mã nghề nghiệp	Mã công việc	Mã chức danh	
			1	2	3	4	5	6	7	8	9								10
2.1	Công nhân vận hành	2.1.1
2.2	...	2.2.1
2.3	...	2.3.1
2.4	...	2.4.1
2.5	...	2.5.1
2.6	...	2.6.1
2.7	...	2.7.1
2.8	...	2.8.1
2.9	...	2.9.1
2.10	...	2.10.1
2.11	...	2.11.1
2.12	...	2.12.1
2.13	...	2.13.1
2.14	...	2.14.1
2.15	...	2.15.1

Phụ lục 3. Ma trận thiết kế dự án (Bản thông qua tại cuộc họp JCC lần thứ 3)

Tên dự án: Dự án Tăng cường năng lực Quản lý tổng hợp chất thải rắn đô thị ở Việt Nam

Cơ quan thực hiện: Bộ Xây dựng (BXD)

Địa bàn thực hiện: Hà Nội (SXD Hà Nội), 2) Công ty Môi trường Đô thị Hà Nội (Hà Nội URENCO), 3) Tỉnh Thừa Thiên Huế (TTH)

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ của các cơ quan thực hiện và cơ quan phối hợp.

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân thành phố Hà Nội và Tỉnh Thừa Thiên Huế

Chất thải mục tiêu: "Chất thải rắn đô thị", bao gồm 1) các loại chất thải thông thường phát sinh từ hoạt động hàng ngày của các hộ gia đình, cơ quan (trường học, cơ quan nhà nước...),

khử vực công cộng (đường xá, công viên...) và các cơ sở thương mại dịch vụ (cửa hàng, văn phòng, nhà hàng, chợ, khách sạn...), 2) chất thải xây dựng và 3) phân bùn bể tự hoại

Thời gian thực hiện dự án: Từ 31/3/2014 đến 15/3/2018

Mục tiêu tổng thể	Mô tả tóm tắt	Chỉ số đánh giá khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giả định quan trọng
<p>Mục tiêu tổng thể dài hạn (tiêu mục tiêu): Quản lý tổng hợp chất thải rắn được thiết lập trên toàn Việt Nam theo Chiến lược quốc gia về Quản lý tổng hợp chất thải rắn.</p> <p>Mục tiêu tổng thể ngắn hạn (5 năm sau khi hoàn thành dự án): Hệ thống quản lý tổng hợp chất thải rắn đô thị với chất thải rắn đô thị được thiết lập theo Chiến lược quốc gia về Quản lý tổng hợp chất thải rắn.</p> <p>Mục tiêu dự án Năng lực Quản lý chất thải rắn đô thị (QLCTRĐT) được phát triển một cách tổng thể ở cấp trung ương và cấp địa phương.</p>	<p>1. Đến tháng 3 năm 2022, ít nhất X^(*) địa phương lập mới/điều chỉnh hoặc đang trong trình lập mới/điều chỉnh Quy hoạch quản lý "tổng hợp" CTR</p> <p>(*) Giá trị mục tiêu (X) sẽ được dự án đề xuất tại cuộc họp JCC lần thứ 4 được tổ chức vào năm 2017 theo kế hoạch.</p> <p>1. Khi kết thúc Dự án, ít nhất Y %^(**) dự thảo các văn bản pháp luật về QLCTRĐT đã xây dựng hoặc điều chỉnh bởi Dự án được BXD trình cấp có thẩm quyền</p> <p>2. Khi kết thúc Dự án, cán bộ của BXD sẽ tăng cường năng lực quản lý một cách toàn diện hơn theo các hạng mục đánh giá năng lực^(**)</p> <p>3. Khi kết thúc Dự án, cán bộ của SXD Hà Nội sẽ tăng cường năng lực quản lý một cách toàn diện hơn theo các hạng mục đánh giá năng lực^(**)</p> <p>4. Khi kết thúc Dự án, cán bộ của tỉnh Thừa Thiên Huế sẽ tăng cường năng lực quản lý một cách toàn diện hơn theo các hạng mục đánh giá năng lực^(**)</p> <p>(**) Giá trị mục tiêu (Y) sẽ được cập nhật bởi Dự án tại cuộc họp JCC lần thứ 4 năm 2017 theo kế hoạch.</p> <p>(**) Các hạng mục đánh giá năng lực sẽ được đề xuất/cập nhật tại JCC lần thứ 4 năm 2017 theo kế hoạch.</p>	<p>1. Danh sách công văn trình cơ quan thẩm quyền</p> <p>2. Kết quả đánh giá năng lực được thực hiện bởi PNU và JET</p> <p>3. Như điểm 2</p> <p>4. Như điểm 2</p>	<p>1. Số liệu được lưu giữ bởi Cục HTKT-BXD</p>	<p>1. Chính phủ Việt Nam tiếp tục duy trì chính sách về quản lý tổng hợp chất thải rắn đô thị.</p> <p>2. Chính phủ Việt Nam có bộ tri ngân sách và huy động các nguồn ngân sách khác cho việc quản lý tổng hợp chất thải rắn đô thị</p> <p>3. Các địa phương bổ tri ngân sách lập mới/điều chỉnh và tổ chức thực hiện Quy hoạch QLCTR.</p>
<p>Đầu ra Đầu ra 1 Năng lực của Bộ Xây dựng về quản lý, hoạch định chính sách, và hỗ trợ địa phương trong việc thực hiện Chiến lược quốc gia về QLCTR được tăng cường, đặc biệt đối với việc QLCTRĐT</p>	<p>1a. Khi kết thúc Dự án, ít nhất Z %^(**) dự thảo các tài liệu hướng dẫn đã xây dựng thông qua Dự án, được chấp thuận bởi Cục HTKT-BXD để hỗ trợ về chính sách cho chính quyền địa phương</p> <p>1b. Các điều kiện hiện tại của QLCTRĐT được Cục HTKT-BXD giám sát trên toàn quốc hàng năm thông qua thu thập ít nhất 40 loại dữ liệu và tổng hợp vào cơ sở dữ liệu.</p> <p>1c. Các dữ liệu chính sẽ được tổng hợp và chia sẻ với các địa phương trong năm 2016 và 2017 thông qua bản tin và ấn phẩm của dự án.</p>	<p>1a. Danh sách các tài liệu hướng dẫn được ban hành/ chấp thuận</p> <p>1b. Số hạng mục dữ liệu được tổng hợp trong cơ sở dữ liệu môi trường</p> <p>1c. Ngày xuất bản ấn phẩm về dữ liệu</p> <p>1d. Ngày, nội dung và thành phần tham dự các buổi hội thảo của dự án</p> <p>1e. Ngày, nội dung và thành</p>	<p>1. Ehu hết các đổi tức tiếp tục làm việc cho dự án.</p> <p>2. Luật Bảo vệ Môi trường mới không thay đổi vai trò và trách nhiệm của BXD về QLCTR.</p>	

<p>Đầu ra 2 Nâng lực của SXD Hà Nội về thực hiện QLTHCTR được tăng cường</p> <p>Đầu ra 3 Hỗ trợ kỹ thuật nâng lực đối với Bộ Xây dựng trong việc lập quy hoạch Quản lý tổng hợp chất thải rắn, đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị, được tăng cường thông qua địa phương thí điểm</p>	<p>1d. Hội thảo trong nước về QLTHCTR được BXD tổ chức một lần mỗi năm trong thời gian thực hiện Dự án.</p> <p>1e. Hướng dẫn về chính sách từ BXD tới các địa phương được thực hiện thông qua các hội thảo, chương trình Giao lưu học tập (CSS) từ năm 2015 bằng các kiến thức và tài liệu thu nhận được trong thời gian thực hiện Dự án</p> <p>(*) Giá trị mục tiêu (Z) sẽ được cập nhật bởi Dự án tại cuộc họp JCC lần thứ 4 năm 2017 theo kế hoạch</p> <p>2a. Đến tháng 12 năm 2015, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch Xử lý Chất thải rắn thành phố Hà Nội, với đề xuất các dự án ưu tiên 5 năm về chất thải sinh hoạt, chất thải xây dựng và phân bùn bể tự hoại được lập.</p> <p>2b. Các đoạn đầu của các dự án ưu tiên đã phê duyệt được SXD Hà Nội thực hiện từ tháng 9 năm 2016</p> <p>3a. Hiện trạng năng lực Quản lý chất thải rắn tại tỉnh TTH được phân tích bởi Bộ Xây dựng trong giai đoạn lựa chọn.</p> <p>3b. BXD đưa ra các đóng góp kỹ thuật về Quy hoạch QLTHCTR đặc biệt đối với CTREDT cho tỉnh TTH trong quá trình lập quy hoạch.</p> <p>3c. Cục HTKT-BXD đưa ra các đóng góp bằng văn bản về Quy hoạch QLTHCTR cho UBND tỉnh trước khi phê duyệt</p> <p>3d. Tiến độ của các dự án thí điểm và việc chuẩn bị các dự án ưu tiên nêu trong Quy hoạch QLTHCTR được Cục HTKT-BXD giám sát thông qua báo cáo tiến độ của mỗi dự án</p> <p>3e. Khi kết thúc dự án, tài liệu hướng dẫn lập Quy hoạch QLTHCTR được Cục HTKT-BXD ban hành/ chấp thuận</p>	<p>phần tham dự các buổi CSS</p> <p>2a. Báo cáo dự án</p> <p>2b. Báo cáo tiến độ</p> <p>3a. Các báo cáo dự án hoặc biên bản cuộc họp nhóm công tác</p> <p>3c. Các góp ý bằng văn bản của Cục HTKT gửi SXD & UBND tỉnh Thừa Thiên Huế</p> <p>3d. Các báo cáo tiến độ được tiếp nhận bởi Cục HTKT-BXD</p> <p>3e. Ngày ban hành/ chấp thuận</p>	
<p>Các hoạt động</p> <p>1-1. Rà soát các chính sách, quy định, khung thể chế và các tiêu chuẩn về quản lý chất thải rắn đô thị tại cấp trung ương và đề xuất thay đổi nếu cần thiết.</p> <p>1-2. Rà soát và đánh giá các công nghệ truyền thống và hiện đại trên khía cạnh xử lý và quản lý, các quy chuẩn về quy hoạch và xây dựng, và đưa ra đề xuất về các tiêu chí lựa chọn công nghệ phù hợp.</p> <p>1-3. Xây dựng hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn đô thị.</p> <p>1-4. Tăng cường năng lực kiểm tra và giám sát của Bộ Xây dựng trong việc thực hiện quản lý chất thải rắn đô thị tại các địa phương.</p> <p>1-5. Thu thập dữ liệu và thông tin sử dụng cho việc tăng cường quản lý chất thải rắn đô thị tại cấp trung ương, phân tích và xác định các vấn đề tồn tại.</p>	<p><Phía Nhật Bản></p> <p>(1) Các chuyên gia Nhật Bản</p> <p>1) Cố vấn trưởng</p> <p>2) Điều phối dự án</p> <p>3) Tổ chức và thể chế</p> <p>4) Quản lý chất thải rắn</p> <p>5) Quản lý dữ liệu</p> <p>6) Quản lý tài chính</p> <p>7) Công nghệ xử lý chất thải</p> <p>8) Giáo dục môi trường</p> <p>9) Các chuyên gia khác trong các lĩnh vực cụ thể, nếu cần</p> <p>Đầu vào</p> <p><Phía Việt Nam></p> <p>(1) Đối tác và các cán bộ khác</p> <p>1) Giám đốc dự án</p> <p>2) Các cán bộ quản lý dự án</p> <p>3) Cán bộ đối tác thuộc</p> <p>i) BXD</p> <p>ii) SXD Hà Nội</p> <p>iii) URENCO Hà Nội</p> <p>iv) SXD tại địa phương thí điểm</p> <p>4) Nhân viên hành chính cho việc thực hiện dự án</p>	<p>A. Ngân sách cần thiết cho các hoạt động liên quan được đảm bảo bởi các cơ quan liên quan.</p> <p>B. Dự thảo quy hoạch xử lý chất thải rắn của thành phố Hà Nội được UBND thành phố Hà Nội xây dựng trong giai đoạn đầu đầu dự án.</p>	

<p>1-6. Nghiên cứu các mô hình đầu tư và mô hình quản lý để áp dụng cho việc đầu tư xây dựng và quản lý các khu liên hợp xử lý chất thải rắn.</p> <p>1-7. Nghiên cứu và hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng đối với các khu xử lý chất thải rắn đô thị vùng liên tỉnh. (Ghi chú: Hoạt động 1-7 kết hợp với Hoạt động 1-3)</p> <p>1-8. Tổ chức đào tạo và hội thảo nhằm tăng cường quản lý chất thải rắn đô thị về khung thể chế, cơ chế quản lý, công nghệ và trách nhiệm của các bên liên quan... tại cấp trung ương và chia sẻ các kinh nghiệm thực hiện trong nước và quốc tế.</p> <p>1-9. Tổ chức hội thảo, thảo luận giữa các chuyên gia về các vấn đề kỹ thuật, thể chế và xã hội về quản lý chất thải rắn đô thị trên toàn quốc. (Ghi chú: Hoạt động 1-9 kết hợp với Hoạt động 1-8)</p> <p>1-10. Dự thảo điều chỉnh Chiến lược Quốc gia về QLTHCTR đưa vào kết quả rà soát của Hoạt động 1-1 để trình lên Thủ tướng Chính phủ</p>	<p>(2) Tập huấn quốc tế</p> <p>1) Tập huấn cho đối tác được thực hiện tại Nhật Bản 2 lần/năm, 10-12 cán bộ</p> <p>(3) Thiết bị và tài liệu</p> <p>1) Dưa trên điều kiện thực tế đối với các thiết bị và tài liệu cho quá trình thực hiện, như:</p> <p>i) Tập huấn, hội thảo và các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng</p> <p>(4) Chi phí dự án</p> <p>1) Các chi phí cho các hoạt động của chuyên gia Nhật Bản</p> <p>2) Một phần chi phí cần thiết cho quá trình thực hiện, như:</p> <p>i) Tập huấn, hội thảo và các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng</p>	<p>Điều kiện cần</p> <p>Ngân sách quan trọng cho hoạt động của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng Hà Nội không bị cắt giảm.</p>
<p>2-1. Đánh giá kết quả thực hiện dự án Pha 1 từ góc nhìn mang tính bền vững của các hoạt động và phân tích hiện trạng hệ thống quản lý chất thải rắn của toàn thành phố Hà Nội. Xác định bất học kinh nghiệm và đưa ra các tư vấn, đề xuất.</p> <p>2-2. (Xóa bỏ)</p> <p>2-3. Tư vấn, đề xuất về công tác thực hiện Quy hoạch xử lý chất thải rắn Hà Nội, bao gồm các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng.</p> <p>2-4. Tư vấn kỹ thuật về việc lựa chọn khu xử lý chất thải rắn mục tiêu theo Quy hoạch xử lý chất thải rắn Hà Nội và thực hiện nghiên cứu tiền khả thi đối với khu xử lý chất thải rắn mục tiêu được lựa chọn đặc biệt cho hạng mục chất thải rắn đô thị.</p> <p>2-5. Nghiên cứu thu hút đầu tư cho việc xây dựng khu xử lý chất thải rắn mục tiêu được lựa chọn, ví dụ như dưới hình thức: BOT, PFI, PPP... (Hoạt động 2-5 được kết hợp với hoạt động 2-4)</p> <p>2-6. Rút ra bài học kinh nghiệm về việc lập và thực hiện Quy hoạch xử lý chất thải rắn Hà Nội đặc biệt đối với QLCTRĐT</p>	<p>(2) Văn phòng dự án, Các trang thiết bị và tài liệu</p> <p>1) Văn phòng làm việc cho các chuyên gia Nhật Bản</p> <p>i) BXD</p> <p>ii) SXD Hà Nội</p> <p>iii) SXD của địa phương thí điểm</p> <p>2) Thiết bị và tài liệu yêu cầu, như: Các khóa tập huấn, hội thảo, v.v.</p> <p>(3) Chi phí Dự án</p> <p>1) Các chi phí dự án yêu cầu, như:</p> <p>i) Vốn đối ứng</p> <p>ii) Tập huấn, hội thảo...</p>	<p>(2) Tập huấn quốc tế</p> <p>1) Tập huấn cho đối tác được thực hiện tại Nhật Bản 2 lần/năm, 10-12 cán bộ</p> <p>(3) Thiết bị và tài liệu</p> <p>1) Dưa trên điều kiện thực tế đối với các thiết bị và tài liệu cho quá trình thực hiện, như:</p> <p>i) Tập huấn, hội thảo và các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng</p> <p>(4) Chi phí dự án</p> <p>1) Các chi phí cho các hoạt động của chuyên gia Nhật Bản</p> <p>2) Một phần chi phí cần thiết cho quá trình thực hiện, như:</p> <p>i) Tập huấn, hội thảo và các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng</p>
<p>3-1. Thực hiện "Đánh giá năng lực" đối với địa phương thí điểm về hệ thống Quản lý chất thải rắn hiện hành.</p> <p>3-2. Hỗ trợ kỹ thuật đối với chính quyền địa phương thí điểm trong việc lập mới/ điều chỉnh Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị, và Quy hoạch này sẽ được trình lên chính quyền địa phương thí điểm.</p> <p>3-3. Hỗ trợ kỹ thuật cho việc thực hiện ban đầu của Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn, đặc biệt đối với QLCTRĐT</p> <p>3-4. Xây dựng tài liệu hướng dẫn lập Quy hoạch Quản lý tổng hợp CTR dựa vào các kinh nghiệm từ Hoạt động 3-2 và 3-3.</p>	<p>(2) Tập huấn quốc tế</p> <p>1) Tập huấn cho đối tác được thực hiện tại Nhật Bản 2 lần/năm, 10-12 cán bộ</p> <p>(3) Thiết bị và tài liệu</p> <p>1) Dưa trên điều kiện thực tế đối với các thiết bị và tài liệu cho quá trình thực hiện, như:</p> <p>i) Tập huấn, hội thảo và các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng</p> <p>(4) Chi phí dự án</p> <p>1) Các chi phí cho các hoạt động của chuyên gia Nhật Bản</p> <p>2) Một phần chi phí cần thiết cho quá trình thực hiện, như:</p> <p>i) Tập huấn, hội thảo và các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng</p>	<p>(2) Văn phòng dự án, Các trang thiết bị và tài liệu</p> <p>1) Văn phòng làm việc cho các chuyên gia Nhật Bản</p> <p>i) BXD</p> <p>ii) SXD Hà Nội</p> <p>iii) SXD của địa phương thí điểm</p> <p>2) Thiết bị và tài liệu yêu cầu, như: Các khóa tập huấn, hội thảo, v.v.</p> <p>(3) Chi phí Dự án</p> <p>1) Các chi phí dự án yêu cầu, như:</p> <p>i) Vốn đối ứng</p> <p>ii) Tập huấn, hội thảo...</p>

Phụ lục 4. Giá trị mục tiêu của các Chỉ số đánh giá khách quan được thảo luận trong Cuộc họp JCC lần thứ tư

Giá trị mục tiêu của các Chỉ số đánh giá khách quan được thảo luận trong Cuộc họp JCC lần thứ tư

Tháng 4-2017

1 Số lượng các địa phương lập mới/ điều chỉnh Quy hoạch quản lý "tổng hợp" chất thải rắn (Chỉ số đánh giá khách quan Mục tiêu tổng thể)

(1) Mô tả trong PDM

- Đến tháng 3 năm 2022, ít nhất X địa phương lập mới/điều chỉnh hoặc đang trong tiến trình lập mới/điều chỉnh Quy hoạch quản lý "tổng hợp" CTR.

(2) Định nghĩa

- Lập mới/điều chỉnh Quy hoạch quản lý "tổng hợp" CTR là việc lập mới/điều chỉnh quy hoạch quản lý CTR của địa phương dựa trên tài liệu hướng dẫn lập quy hoạch quản lý CTR.

(3) Phân tích

- Theo kết quả khảo sát được tiến hành năm 2016, có bảy địa phương đang tiến hành điều chỉnh hoặc có kế hoạch điều chỉnh quy hoạch quản lý CTR.
- Mỗi năm, trung bình khoảng 3-4 địa phương thực hiện điều chỉnh quy hoạch quản lý CTR
- Trong năm năm từ 2018 đến 2022, có khoảng 15-20 địa phương (3-4 địa phương x 5 năm) có thể điều chỉnh quy hoạch quản lý CTR.

Các địa phương có kế hoạch điều chỉnh Quy hoạch quản lý chất thải rắn

Địa phương	Đang điều chỉnh	Có kế hoạch điều chỉnh/ Lập mới
An Giang		✓
Bắc Ninh	✓	
Đồng Nai		✓
Đồng Tháp	✓	
Tp.Hồ Chí Minh		✓
Lâm Đồng		✓
Quảng Ninh	✓	
Hà Nội		✓

- Số lượng quy hoạch điều chỉnh: 30
- Số lượng trả lời: 26

(4) Kết luận

- X = 3

Tỷ lệ các địa phương sử dụng tài liệu hướng dẫn	Số lượng các địa phương thực hiện điều chỉnh Quy hoạch quản lý CTR trong năm năm đến năm 2022	Giá trị mục tiêu "X"
10%	15-20	2
20%	15-20	3-4
30%	15-20	5-6
40%	15-20	6-8
50%	15-20	8-10

2 Số lượng các văn bản pháp luật (Chỉ số đánh giá khách quan Mục tiêu dự án)

(1) Mô tả trong PDM

- Khi kết thúc Dự án, ít nhất Y % dự thảo các văn bản pháp luật về QLCTRĐT đã xây dựng hoặc điều chỉnh bởi Dự án được BXD trình cấp có thẩm quyền

(2) Định nghĩa

- “được BXD trình cấp có thẩm quyền” được hiểu là được gửi đến các cơ quan liên quan để đóng góp ý kiến.

(3) Phân tích

- Số lượng các văn bản pháp luật được thực hiện điều chỉnh/dự thảo trong khuôn khổ dự án là tám văn bản.
- Tính đến tháng 4/2017, sáu trong số tám văn bản này đã được gửi tới các cơ quan liên quan để tiếp nhận đóng góp ý kiến.

Các văn bản pháp luật được dự thảo hoặc góp ý trong khuôn khổ dự án

Tên văn bản	Số hiệu văn bản	Tình trạng	Đã gửi tham khảo ý kiến	Tổng cộng dồn các văn bản đã gửi tham khảo ý kiến các cơ quan liên quan
1. Nghị định về quản lý chất thải và phế liệu	Nghị định số 38/2015/NĐ-CP	Đã ban hành (BXD tổng hợp ý kiến gửi BTNMT trình Chính phủ ban hành)	Đã gửi	1/8 (13%)
2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hạ tầng kỹ thuật đô thị	QCVN07/2010/BXD	Đã ban hành	Đã gửi	2/8 (25%)
3. Thông tư hướng dẫn định giá dịch vụ xử lý	Thông tư mới	Đang trình ban hành	Đã gửi	3/8 (38%)
4. Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn	Quyết định số 2149/QĐ-TTg	Đã gửi tham khảo ý kiến vào tháng 12/2016	Đã gửi	4/8 (50%)
5. Nghị định về quản lý các cơ sở xử lý chất thải rắn	Nghị định mới liên quan đến quy hoạch QLCTR (theo ND số 59/2007/NĐ-CP)	Đang trong quá trình dự thảo	Chưa	4/8 (50%)
6. Thông tư về mẫu hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH	Thông tư mới	Đã gửi tham khảo ý kiến vào tháng 9/2016	Đã gửi	5/8 (63%)
7. Thông tư về Quy định quản lý chất thải rắn xây dựng	Thông tư mới	Đã gửi tham khảo ý kiến vào tháng 11/2016	Đã gửi	6/8 (75%)

Tên văn bản	Số hiệu văn bản	Tình trạng	Đã gửi tham khảo ý kiến	Tổng cộng đơn các văn bản đã gửi tham khảo ý kiến các cơ quan liên quan
8. Quy chuẩn về quy hoạch	Sẽ được ban hành cùng QCVN01	Dự thảo bởi BXD	Chưa	6/8 (75%)

(4) Kết luận

- “Y” sẽ là 80%. Các hạng mục đánh giá năng lực (Chỉ số đánh giá khách quan của Mục tiêu dự án)

3 Các hạng mục đánh giá năng lực (Chỉ số đánh giá khách quan của Mục tiêu dự án)

(1) Mô tả trong PDM

- Khi kết thúc Dự án, cán bộ của BXD sẽ tăng cường năng lực quản lý một cách toàn diện hơn theo các hạng mục đánh giá năng lực
- Khi kết thúc Dự án, cán bộ của SXD Hà Nội sẽ tăng cường năng lực quản lý một cách toàn diện hơn theo các hạng mục đánh giá năng lực
- Khi kết thúc Dự án, cán bộ của tỉnh Thừa Thiên Huế sẽ tăng cường năng lực quản lý một cách toàn diện hơn theo các hạng mục đánh giá năng lực

(2) Định nghĩa

- “Tăng cường năng lực quản lý một cách toàn diện” được hiểu là năng lực được tăng cường đến một mức nhất định đối với tất cả các hạng mục năng lực trong bảng đánh giá năng lực sau.

i) Bảng đánh giá năng lực đối với BXD

Các cấp	TT	Câu hỏi	Điểm (1 – 5)	Lý do a/c đưa ra mức điểm đánh giá
Cấp tổ chức	1	Tổ chức có trao đổi và thảo luận những tồn tại và khó khăn để cải tiến các vấn đề về Quản lý chất thải rắn (QLCTR) ở địa phương hay không?		
	2	Các chuyên viên, lãnh đạo của tổ chức thực hiện các nhiệm vụ có đồng bộ và thống nhất hay không?		
	3	Cán bộ trong tổ chức có được tạo đủ cơ hội tham gia các khóa đào tạo, tập huấn hay không?		
	4	Tổ chức có đủ nhân lực hay không?		
	5	Các đơn vị liên quan trong và ngoài tổ chức có phối hợp với nhau tốt hay không?		
	6	Ngân sách cho các hoạt động hằng năm của tổ chức có đảm bảo và được kiểm soát tốt không?		
	7	Các vấn đề liên quan đến tài chính trong tổ chức có cần phải cải thiện không?		
	8	Dữ liệu QLCTR trên toàn quốc có được tổ chức thu thập, xử lý và quản lý tốt hay không?		
	9	Tổ chức có biện pháp để quản lý các quá trình đổi mới trong QLCTR (công nghệ xử lý, chính sách thu phí...) ở các địa phương hay không?		
	10	Tổ chức có cơ chế rà soát các chính sách ở các địa phương hay không?		

Cấp thể chế/xã hội	11	Tổ chức có trao đổi, thảo luận với các địa phương về các vấn đề và khó khăn chính trong quá trình đổi mới QLCTR cho các địa phương hay không?		
	12	Tổ chức có công bố (thông báo hoặc báo cáo ở các kênh khác nhau) các việc cần thực hiện, tiến trình và kết quả đối với các vấn đề và khó khăn trong quá trình đổi mới QLCTR ở các địa phương hay không?		
	13	Các chính sách của chính quyền trung ương có được nêu rõ và công bố trong các văn bản pháp luật hay không?		
	14	Các thay đổi về chính sách của chính quyền trung ương có được thông báo tới chính quyền địa phương hay không?		
	15	Sự hỗ trợ (ngân sách, chính sách, quy định, hướng dẫn...) của chính quyền trung ương để đẩy mạnh sự tham gia của cộng đồng ở các địa phương có đủ hay không?		
	16	Sự hỗ trợ (ngân sách, chính sách, quy định, hướng dẫn...) của chính quyền trung ương để thúc đẩy thu gom chất thải ở các địa phương có đủ hay không?		
	17	Sự hỗ trợ (ngân sách, chính sách, quy định, hướng dẫn...) của chính quyền trung ương để phát triển các cơ sở xử lý cho các địa phương có đủ hay không?		
	18	Các chương trình tập huấn, đào tạo về QLCTR cho các địa phương đã đủ hay chưa? Chính quyền trung ương thông báo các thông tin qua các kênh truyền thông đã đủ (phù hợp) hay chưa?		
	19	Việc thực hiện các chính sách của trung ương có được phản ánh tới các chính quyền địa phương đầy đủ hay không?		
	20	Dữ liệu QLCTR toàn quốc có được công bố (thông báo hoặc báo cáo ở các kênh khác nhau) hay không?		
	21	Việc thực hiện các chính sách của trung ương có được công bố (thông báo hoặc báo cáo ở các kênh khác nhau) hay không?		
	22	Tổ chức khi rà soát các chính sách của địa phương có phản ánh được đầy đủ các chính sách hỗ trợ dành cho địa phương không?		

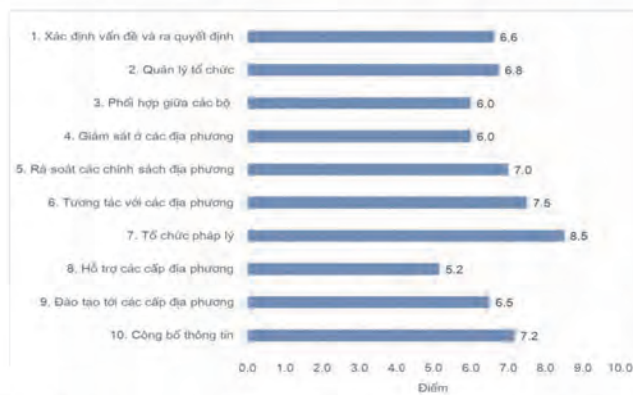
ii) Bảng đánh giá năng lực đối với Hà Nội và Thừa Thiên Huế

Cấp cấp	TT	Câu hỏi	Điểm (1-5)	Lý do a/c đưa ra mức điểm đánh giá
Cấp tổ chức	1	Các vấn đề và khó khăn cho quá trình cải tổ có được trao đổi, thảo luận trong tổ chức hay không?		
	2	Các quyết định được ban hành có phù hợp với các vấn đề và khó khăn được trao đổi, thảo luận hay không?		
	3	Các chuyên viên, lãnh đạo của tổ chức thực hiện các nhiệm vụ có đồng bộ và thống nhất hay không?		
	4	Cán bộ trong tổ chức có điều kiện tham gia đủ các cơ hội đào tạo, tập huấn cần thiết hay không?		
	5	Tổ chức có đủ nhân lực hay không?		
	6	Tổ chức có quản lý tốt đội ngũ nhân viên bao gồm cả nhân viên thu gom và vận hành các cơ sở xử lý CTR hay không?		
	7	Các đơn vị liên quan trong và ngoài tổ chức có phối hợp với nhau tốt hay không?		
	8	Ngân sách cho các hoạt động hằng năm của tổ chức có đảm bảo và được kiểm soát tốt không?		

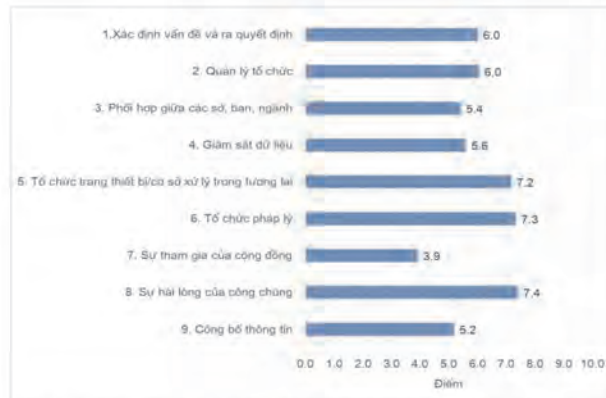
Các cấp	TT	Câu hỏi	Điểm (1-5)	Lý do a/c đưa ra mức điểm đánh giá
	9	Các vấn đề liên quan đến tài chính trong tổ chức có cần phải cải thiện không?		
	10	Tổ chức có lên kế hoạch các hoạt động đầu tư/đầu thầu cho tương lai hay không?		
	11	Tổ chức có thực hiện công tác thu thập, lưu giữ và quản lý dữ liệu về QLCTR tốt không?		
Cấp thể chế và xã hội	12	Các chính sách của tổ chức có được nêu và công bố trong các văn bản của địa phương hay không?		
	13	Các vấn đề và khó khăn có được chia sẻ với cộng đồng hay không?		
	14	Tổ chức có xây dựng và công bố thông tin ngành hay không?		
	15	Tổ chức đã từng thực hiện các hoạt động thu hút cộng đồng nhằm giảm thiểu và kiểm soát chất thải tại nguồn hay chưa?		
	16	Sự phối hợp với chính quyền địa phương/ tổ dân phố có được thực hiện tốt hay không?		
	17	Các khiếu nại, góp ý của người dân có được ghi nhận hay không?		
	18	Các thông tin được phát trên các phương tiện thông tin đại chúng có đủ hay không?		

(3) Phân tích

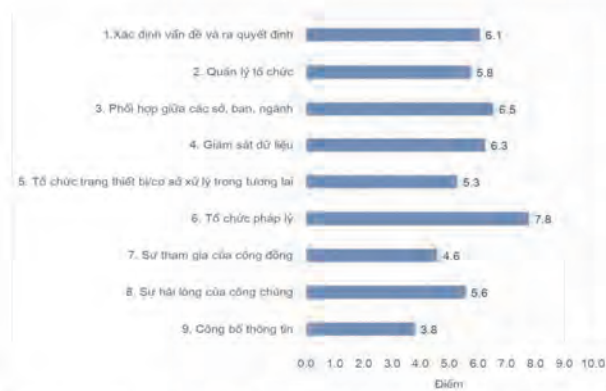
- Dựa trên các dữ liệu sẵn có hiện tại, điểm 7.0 được đề xuất là giá trị mục tiêu.



Hình. Đánh giá năng lực theo tổ chức và cấp thể chế/xã hội của BXD (Số liệu năm 2014 được sử dụng là dữ liệu cơ sở)



Hình. Đánh giá năng lực theo tổ chức và cấp thể chế/xã hội của Hà Nội (Số liệu 2014 được sử dụng là dữ liệu cơ sở)



Hình. Đánh giá năng lực theo tổ chức và cấp thể chế/xã hội của Thừa Thiên Huế (Số liệu năm 2014 được sử dụng là dữ liệu cơ sở)

(4) Kết luận

- Việc tiến hành đánh giá năng lực sẽ được thực hiện vào Tháng 10-2017
- Giá trị mục tiêu đặt ra là “7.0” đối với tất cả các năng lực

4 Số lượng các tài liệu hướng dẫn (Chỉ số đánh giá khách quan của Đầu ra số 1)

(1) Mô tả trong PDM

- Khi kết thúc Dự án, ít nhất Z % dự thảo các tài liệu hướng dẫn đã xây dựng thông qua Dự án, được chấp thuận bởi Cục HTKT-BXD để hỗ trợ về chính sách cho chính quyền địa phương.

(2) Định nghĩa

- “Được chấp thuận bởi Cục HTKT-BXD” được hiểu là Cục HTKT – BXD đồng ý chấp nhận các tài liệu hướng dẫn (có thể vẫn tiếp tục điều chỉnh).

(3) Phân tích

- Số lượng các tài liệu hướng dẫn được phát triển trong khuôn khổ dự án là bảy tài liệu
- Ba trong số bảy tài liệu này đã được chấp thuận bởi Cục HTKT-BXD. Theo đó, giá trị hiện tại của Z là 43%.

Các tài liệu hướng dẫn được xây dựng trong khuôn khổ dự án và hiện trạng

Tên tài liệu	Tình trạng	Đã được chấp thuận bởi Cục HTKT	Tổng cộng số tài liệu được chấp thuận bởi Cục HTKT-BXD
1. Hướng dẫn lựa chọn công nghệ	Cục HTKT đã chấp thuận	Đã chấp thuận (+1)	1/7 (14%)
2. Hướng dẫn xây dựng Quy hoạch xây dựng	Cục HTKT đã chấp thuận	Đã chấp thuận (+1)	2/7 (29%)
3. Hướng dẫn lập kế hoạch phát triển các cơ sở xử lý trung hạn/ dài hạn	Cục HTKT đã chấp thuận	Đã chấp thuận (+1)	3/7 (43%)
4. Hướng dẫn thiết lập hệ thống tài chính bền vững	Sẽ được xác nhận	Chưa	3/7 (43%)
5. Hướng dẫn đầu tư, xây dựng và quản lý các cơ sở xử lý chất thải rắn	Đang thảo luận với Cục HTKT	Chưa	3/7 (43%)
6. Hướng dẫn lập quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn	Đang thảo luận với Cục HTKT	Chưa	3/7 (43%)
7. Hướng dẫn các tiêu chí của chương trình cấp chứng chỉ	Đang thảo luận với Cục HTKT	Chưa	3/7 (43%)

(4) Kết luận

- “Z” được lựa chọn là 100%.

Phụ lục 5. Ma trận thiết kế dự án bao gồm các giá trị mục tiêu (Bản thông qua tại cuộc họp JCC lần thứ 4)

Tên dự án: Dự án Tăng cường năng lực Quản lý tổng hợp chất thải rắn đô thị ở Việt Nam
 Cơ quan thực hiện: Bộ Xây dựng (BXD)
 Cơ quan phối hợp: 1) Sở Xây dựng Hà Nội (SXĐ Hà Nội), 2) Công ty Môi trường Đô thị Hà Nội (Hà Nội URENCO), 3) Tỉnh Thừa Thiên Huế (TTH)
 Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ của các cơ quan thực hiện và cơ quan phối hợp.
 Địa bàn mục tiêu: Thành phố Hà Nội, các tỉnh khác bao gồm cả tỉnh TTH
 Chất thải mục tiêu: "Chất thải rắn đô thị", bao gồm 1) các loại chất thải thông thường phát sinh từ hoạt động hàng ngày của các hộ gia đình, cơ quan (trường học, cơ quan nhà nước...), khu vực công cộng (đường xá, công viên...) và các cơ sở thương mại dịch vụ (cửa hàng, văn phòng, nhà hàng, chợ, khách sạn...), 2) chất thải xây dựng và 3) phân bùn bể tự hoại
 Thời gian thực hiện dự án: Từ 31/3/2014 đến 15/3/2018

Mô tả tóm tắt	Chỉ số đánh giá khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giá định quan trọng
<p>Mục tiêu tổng thể Mục tiêu tổng thể dài hạn (siêu mục tiêu): Quản lý tổng hợp chất thải rắn được thiết lập trên toàn Việt Nam theo Chiến lược quốc gia về Quản lý tổng hợp chất thải rắn.</p> <p>Mục tiêu tổng thể ngắn hạn (5 năm sau khi hoàn thành dự án): Hệ thống quản lý tổng hợp chất thải rắn, đối với chất thải rắn đô thị được thiết lập theo Chiến lược quốc gia về Quản lý tổng hợp chất thải rắn.</p> <p>Mục tiêu dự án Năng lực Quản lý chất thải rắn đô thị (QLCTRĐT) được phát triển một cách tổng thể ở cấp trung ương và cấp địa phương.</p>	<p>1. Đến tháng 3 năm 2022, ít nhất 3 địa phương lập mới/điều chỉnh hoặc đang trong tiến trình lập mới/điều chỉnh Quy hoạch quản lý "tổng hợp" CTR</p>	<p>1. Số liệu được lưu giữ bởi Cục HKT-BXD</p>	
<p>Mục tiêu dự án Năng lực Quản lý chất thải rắn đô thị (QLCTRĐT) được phát triển một cách tổng thể ở cấp trung ương và cấp địa phương.</p>	<p>1. Khi kết thúc Dự án, ít nhất 80% dự thảo các văn bản pháp luật về QLCTRĐT đã xây dựng hoặc điều chỉnh bởi Dự án được BXD trình cấp có thẩm quyền</p> <p>2. Khi kết thúc Dự án, cán bộ của BXD sẽ tăng cường năng lực quản lý một cách toàn diện hơn theo các hạng mục đánh giá năng lực (*)</p> <p>3. Khi kết thúc Dự án, cán bộ của SXĐ Hà Nội sẽ tăng cường năng lực quản lý một cách toàn diện hơn theo các hạng mục đánh giá năng lực (*)</p> <p>4. Khi kết thúc Dự án, cán bộ của tỉnh Thừa Thiên Huế sẽ tăng cường năng lực quản lý một cách toàn diện hơn theo các hạng mục đánh giá năng lực (*)</p> <p>(*) Các hạng mục đánh giá năng lực đã được cập nhật tại JCC lần thứ 4 (6 chức vụ vào ngày 12/4/2017)</p>	<p>1. Danh sách công văn trình cơ quan thẩm quyền</p> <p>2. Kết quả đánh giá năng lực được thực hiện bởi PMU và JET</p> <p>3. Như điểm 2</p> <p>4. Như điểm 2</p>	<p>1. Chính phủ Việt Nam tiếp tục duy trì chính sách về quản lý tổng hợp chất thải rắn đô thị.</p> <p>2. Chính phủ Việt Nam có bộ tri ngân sách và huy động các nguồn ngân sách khác cho việc quản lý tổng hợp chất thải rắn đô thị</p> <p>3. Các địa phương bổ tri ngân sách lập mới/điều chỉnh và tổ chức thực hiện Quy hoạch QLCTR.</p>
<p>Đầu ra Đầu ra 1: Năng lực của Bộ Xây dựng về quản lý, hoạch định chính sách, và hỗ trợ địa phương trong việc thực hiện Chiến lược quốc gia về QLCTRĐT được tăng cường, đặc biệt đối với việc QLCTRĐT</p>	<p>1a. Khi kết thúc Dự án, ít nhất 100% dự thảo các tài liệu hướng dẫn đã xây dựng thông qua Dự án, được chấp thuận bởi Cục HKT-BXD để hỗ trợ về chính sách cho chính quyền địa phương</p> <p>1b. Các điều kiện hiện tại của QLCTRĐT được Cục HKT-BXD giám sát trên toàn quốc hàng năm thông qua thu thập ít nhất 40 lưu dữ liệu và tổng hợp vào cơ sở dữ liệu.</p> <p>1c. Các dữ liệu chính sẽ được tổng hợp và chia sẻ với các địa phương trong năm 2016 và 2017 thông qua bản tin và ấn phẩm của dự án.</p> <p>1d. Hội thảo trong nước về QLCTRĐT được BXD tổ</p>	<p>1a. Danh sách các tài liệu hướng dẫn được ban hành/chấp thuận</p> <p>1b. Số hạng mục dữ liệu được tổng hợp trong cơ sở dữ liệu mới nhất</p> <p>1c. Ngày xuất bản ấn phẩm về dữ liệu</p> <p>1d. Ngày, nội dung và thành phần tham dự các buổi hội thảo của dự án</p> <p>1e. Ngày, nội dung và thành phần tham dự các buổi CSS</p>	<p>1. Hầu hết các đối tác tiếp tục làm việc cho dự án.</p> <p>2. Luật Bảo vệ Môi trường mới không thay đổi vai trò và trách nhiệm của BXD về QLCTR.</p>

<p>Đầu ra 2. Năng lực của SXD Hà Nội về thực hiện QLTHCTR được tăng cường</p> <p>Đầu ra 3. Hỗ trợ kỹ thuật nâng lực đội với Bộ Xây dựng trong việc lập quy hoạch Quận lý tổng hợp chất thải rắn, đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị, được tăng cường thông qua địa phương thí điểm</p>	<p>chức một lần mỗi năm trong thời gian thực hiện Dự án.</p> <p>1e. Hướng dẫn về chính sách từ BXD tới các địa phương được thực hiện thông qua các hội thảo, chương trình Giao lưu học tập (CSS) từ năm 2015 bằng các kiến thức và tài liệu thu nhận được trong thời gian thực hiện Dự án</p> <p>2a. Đến tháng 12 năm 2015, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch Xử lý Chất thải rắn thành phố Hà Nội, với đề xuất các dự án ưu tiên 5 năm về chất thải sinh hoạt, chất thải xây dựng và phân bùn bể tự hoại được lập.</p> <p>2b. Các đơn đầu của các dự án ưu tiên đã phê duyệt được SXD Hà Nội thực hiện từ tháng 9 năm 2016</p> <p>3a. Hiện trạng năng lực Quản lý chất thải rắn tại tỉnh THH được phân tích bởi Bộ Xây dựng trong giai đoạn làm chọn</p> <p>3b. BXD đưa ra các đóng góp kỹ thuật về Quy hoạch QLTHCTR đặc biệt đối với CTREDT cho tỉnh THH trong quá trình lập quy hoạch.</p> <p>3c. Cục HTKT-BXD đưa ra các đóng góp bằng văn bản về Quy hoạch QLTHCTR cho UBND tỉnh trước khi phê duyệt</p> <p>3d. Tiến độ của các dự án thí điểm và việc chuẩn bị các dự án ưu tiên nêu trong Quy hoạch QLTHCTR được Cục HTKT-BXD giám sát thông qua báo cáo tiến độ của mỗi dự án</p> <p>3e. Khi kết thúc dự án, tài liệu hướng dẫn lập Quy hoạch QLTHCTR được Cục HTKT-BXD ban hành/ chấp thuận</p>	<p>2a. Báo cáo dự án</p> <p>2b. Báo cáo tiến độ</p> <p>3a. Các báo cáo dự án</p> <p>3b. Các góp ý bằng văn bản hoặc biên bản cuộc họp nhóm công tác</p> <p>3c. Các góp ý bằng văn bản của Cục HTKT gửi SXD & UBND tỉnh Thừa Thiên Huế</p> <p>3d. Các báo cáo tiến độ được tiếp nhận bởi Cục HTKT-BXD</p> <p>3e. Ngày ban hành/ chấp thuận</p>	<p>A. Ngân sách cần thiết cho các hoạt động liên quan được đảm bảo bởi các cơ quan liên quan.</p> <p>B. Dự thảo quy hoạch xử lý chất thải rắn của thành phố Hà Nội được UBND thành phố Hà Nội xây dựng trong giai đoạn bắt đầu dự án.</p>
<p>Các hoạt động</p> <p>1-1. Rà soát các chính sách, quy định, khung thể chế và các tiêu chuẩn về quản lý chất thải rắn đô thị tại cấp trung ương và đề xuất thay đổi nếu cần thiết.</p> <p>1-2. Rà soát và đánh giá các công nghệ truyền thống và hiện đại trên khía cạnh xử lý và quản lý, các quy chuẩn về quy hoạch và xây dựng, và đưa ra đề xuất về các tiêu chí lựa chọn công nghệ phù hợp.</p> <p>1-3. Xây dựng hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn đô thị.</p> <p>1-4. Tăng cường năng lực kiểm tra và giám sát của Bộ Xây dựng trong việc thực hiện quản lý chất thải rắn đô thị tại các địa phương.</p> <p>1-5. Thu thập dữ liệu và thông tin sử dụng cho việc tăng cường quản lý chất thải rắn đô thị tại cấp trung ương, phân tích và xác định các vấn đề tồn tại.</p> <p>1-6. Nghiên cứu các mô hình đầu tư và mô hình quản lý để áp dụng cho việc đầu tư xây dựng và quản lý các khu liên hợp xử lý chất thải rắn.</p> <p>1-7. Nghiên cứu và hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng đối với các khu xử lý chất thải rắn đô thị vùng liên tỉnh. (Ghi chú: Hoạt động 1-7 kết hợp với Hoạt động 1-3)</p>	<p><Phía Nhật Bản></p> <p>(1) Các chuyên gia Nhật Bản</p> <p>1) Cố vấn trưởng</p> <p>2) Điều phối dự án</p> <p>3) Tổ chức và thể chế</p> <p>4) Quản lý chất thải rắn</p> <p>5) Quản lý đô thị</p> <p>6) Quản lý tài chính</p> <p>7) Công nghệ xử lý chất thải</p> <p>8) Giáo dục môi trường</p> <p>9) Các chuyên gia khác trong các lĩnh vực cụ thể, nếu cần</p> <p>(2) Tập huấn quốc tế</p> <p>1) Tập huấn cho đội tác được thực hiện tại Nhật Bản 2 lần/năm, 10-12 cán bộ</p>	<p><Phía Việt Nam></p> <p>(1) Đối tác và các cán bộ khác</p> <p>1) Giám đốc dự án</p> <p>2) Các cán bộ quản lý dự án</p> <p>3) Cán bộ đối tác thuộc:</p> <p>i) BXD</p> <p>ii) SXD Hà Nội</p> <p>iii) URENSCO Hà Nội</p> <p>iv) SXD tại địa phương thí điểm</p> <p>4) Nhân viên hành chính cho việc thực hiện dự án</p> <p>(2) Văn phòng dự án, Các trang thiết bị và tài liệu</p>	<p>Đầu vào</p> <p><Phía Nhật Bản></p> <p>(1) Các chuyên gia Nhật Bản</p> <p>1) Cố vấn trưởng</p> <p>2) Điều phối dự án</p> <p>3) Tổ chức và thể chế</p> <p>4) Quản lý chất thải rắn</p> <p>5) Quản lý đô thị</p> <p>6) Quản lý tài chính</p> <p>7) Công nghệ xử lý chất thải</p> <p>8) Giáo dục môi trường</p> <p>9) Các chuyên gia khác trong các lĩnh vực cụ thể, nếu cần</p> <p>(2) Tập huấn quốc tế</p> <p>1) Tập huấn cho đội tác được thực hiện tại Nhật Bản 2 lần/năm, 10-12 cán bộ</p>

<p>1-8. Tổ chức đào tạo và hội thảo nhằm tăng cường quản lý chất thải rắn đô thị về khung thể chế, cơ chế quản lý, công nghệ và trách nhiệm của các bên liên quan... tại cấp trung ương và chia sẻ các kinh nghiệm thực hiện trong nước và quốc tế.</p> <p>1-9. Tổ chức hội thảo, thảo luận giữa các chuyên gia về các vấn đề kỹ thuật, thể chế và xã hội về quản lý chất thải rắn đô thị trên toàn quốc (Ghi chú: Hoạt động 1-9 kết hợp với Hoạt động 1-8)</p> <p>1-10. Dự thảo điều chỉnh Chiến lược Quốc gia về QLTHCTR đưa vào kết quả rà soát của Hoạt động 1-1 để trình lên Thủ tướng Chính phủ</p>	<p>(3) Thiết bị và tài liệu</p> <p>1) Dựa trên điện kiến thực tế đòi hỏi các thiết bị và tài liệu cho quá trình thực hiện, như:</p> <p>i) Giáo dục môi trường và truyền thông</p> <p>ii) Tập huấn, hội thảo và các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng</p> <p>(4) Chi phí dự án</p> <p>1) Các chi phí cho các hoạt động của chuyên gia Nhật Bản</p> <p>2) Một phần chi phí cần thiết cho quá trình thực hiện, như:</p> <p>i) Giáo dục môi trường và truyền thông</p> <p>ii) Tập huấn, hội thảo và các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng</p>	<p>1) Văn phòng làm việc cho các chuyên gia Nhật Bản</p> <p>i) BXD</p> <p>ii) SXD Hà Nội</p> <p>iii) SXD của địa phương thi điểm</p> <p>2) Thiết bị và tài liệu yêu cầu, như: Các khóa tập huấn, hội thảo, v.v.</p> <p>(3) Chi phí dự án</p> <p>1) Các chi phí dự án yêu cầu, như:</p> <p>i) Vốn đối ứng</p> <p>ii) Tập huấn, hội thảo...</p>	<p>Điều kiện cần</p> <p>Ngân sách quan trọng cho hoạt động của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng Hà Nội không bị cắt giảm.</p>
<p>2-1. Đánh giá kết quả thực hiện dự án Pha 1 từ góc nhìn mang tính bền vững của các hoạt động và phân tích hiện trạng hệ thống quản lý chất thải rắn của toàn thành phố Hà Nội. Xác định bài học kinh nghiệm và đưa ra các tư vấn, đề xuất.</p> <p>2-2. (Xóa bỏ)</p> <p>2-3. Tư vấn, đề xuất về công tác thực hiện Quy hoạch xử lý chất thải rắn Hà Nội, bao gồm các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng.</p> <p>2-4. Tư vấn kỹ thuật về việc lựa chọn khu xử lý chất thải rắn mục tiêu theo Quy hoạch xử lý chất thải rắn Hà Nội và thực hiện nghiên cứu tiên khả thi đối với khu xử lý chất thải rắn mục tiêu được lựa chọn đặc biệt cho hạng mục chất thải rắn đô thị.</p>			
<p>2-5. Nghiên cứu thu hút đầu tư cho việc xây dựng khu xử lý chất thải rắn mục tiêu được lựa chọn, ví dụ như dưới hình thức: BOT, PFI, PPP... (Hoạt động 2-5 được kết hợp với hoạt động 2-4)</p> <p>2-6. Rút ra bài học kinh nghiệm về việc lập và thực hiện Quy hoạch xử lý chất thải rắn Hà Nội đặc biệt đối với QLCTRT</p>			
<p>3-1. Thực hiện "Đánh giá năng lực" đối với địa phương thu điểm về hệ thống Quản lý chất thải rắn hiện hành.</p> <p>3-2. Hỗ trợ kỹ thuật đối với chính quyền địa phương thi điểm trong việc lập mới/ điều chỉnh Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn đặc biệt đối với chất thải rắn đô thị, và Quy hoạch này sẽ được trình lên chính quyền địa phương thi điểm.</p> <p>3-3. Hỗ trợ kỹ thuật cho việc thực hiện ban đầu của Quy hoạch quản lý tổng hợp chất thải rắn, đặc biệt đối với QLCTRT</p> <p>3-4. Xây dựng tài liệu hướng dẫn lập Quy hoạch Quản lý tổng hợp CTR dựa vào các kinh nghiệm từ Hoạt động 3-2 và 3-3.</p>			

1.5 JCC lần thứ năm

**BIÊN BẢN CUỘC HỌP BAN ĐIỀU PHỐI CHUNG LẦN THỨ NĂM
CỦA
DỰ ÁN TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC VỀ QUẢN LÝ TỔNG HỢP CHẤT THẢI RẮN ĐÔ THỊ
TẠI VIỆT NAM**

Theo Biên bản Thảo luận được ký giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (dưới đây được gọi là “JICA”) vào ngày 17/6/2013, phía Việt Nam và phía Nhật Bản đã cùng tổ chức Cuộc họp Ban điều phối chung (dưới đây được gọi tắt là JCC) lần thứ năm của Dự án tăng cường năng lực quản lý tổng hợp chất thải rắn đô thị tại Việt Nam (dưới đây được gọi là “Dự án”) tại Hà Nội vào ngày 21/9/2017.

Ban Điều phối, Ban Quản lý Dự án (PMU) cùng các đối tác của Dự án, Đoàn chuyên gia JICA đã làm việc cùng nhau để tiếp nhận các kết quả của Báo cáo Đánh giá chung cuối kỳ cũng như thảo luận về các đề xuất của Đoàn đánh giá chung cuối kỳ.

Kết quả là, Báo cáo Đánh giá chung cuối kỳ đã ký bởi Trưởng đoàn Đánh giá cuối kỳ Nhật Bản và Việt Nam đã được trình lên cuộc họp JCC này và đã được Ban điều phối chung tiếp nhận.

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2017

Ông Naoki Kakioka
Đại diện cao cấp
Cơ quan hợp tác Quốc tế Nhật Bản
Văn phòng Việt Nam
NHẬT BẢN

Bà Mai Thị Liên Hương
Cục trưởng
Cục Hạ tầng kỹ thuật
Bộ Xây dựng
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chứng kiến bởi

Ông Hideki Wada
Trưởng đoàn chuyên gia JICA
NHẬT BẢN

Ông Đồng Phước An
Phó Giám đốc
Sở Xây dựng Hà Nội
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Ông Vũ Cường
Phó Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Ông Nguyễn Đại Viên
Phó Giám đốc
Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

I. Giới thiệu

Nội dung cuộc họp JCC lần thứ năm bao gồm:

- Báo cáo tiến độ tổng quan của Dự án
- Báo cáo Đánh giá chung cuối kỳ

Danh sách tham gia cuộc họp JCC lần thứ năm được đính kèm trong Phụ lục 1.

II. Những điểm chính đã được thảo luận

Các đại biểu tham gia cuộc họp đã nêu ý kiến góp ý, thảo luận và đi đến thống nhất nội dung các đề xuất từ Đoàn đánh giá chung cuối kỳ như sau:

1. Thiết kế lại và thực hiện việc đánh giá năng lực
 - Sự cần thiết của việc thiết kế lại việc đánh giá năng lực đã được xác nhận để tổ chức thực hiện trước khi Dự án kết thúc và trong quá trình Nghiên cứu Đánh giá Hậu Dự án.
 - Các bên đã thống nhất JET sẽ điều chỉnh nội dung đánh giá năng lực với sự tham gia đóng góp ý kiến từ JICA đến tháng 12/2017 và việc tổ chức đánh giá năng lực sẽ được thực hiện vào cuối Dự án.
2. Điều chỉnh các Chỉ số đánh giá của Mục tiêu tổng thể ngắn hạn
Trong quá trình đánh giá cuối kỳ, các bên đã xác nhận rằng cần bổ sung một số chỉ số để đánh giá được tiến trình đạt được của Mục tiêu tổng thể ngắn trong JCC cuối cùng và phê duyệt trong PDM bản số 5. PDM bản số 5 được phê duyệt trong JCC cuối cùng, trước khi JET rời khỏi Việt Nam.
3. Xác định các phương pháp để phổ biến các tài liệu hướng dẫn bao gồm sáu tài liệu và ấn phẩm “Tổng quan Chất thải rắn Việt Nam 2016 & 2017”
 - Các bên đã khẳng định rằng các tài liệu hướng dẫn và Tổng quan Chất thải rắn Việt Nam 2017 sẽ được thống nhất trong thời gian nhanh nhất và 2 tài liệu này cùng với Tổng quan Chất thải rắn Việt Nam 2016 sẽ được phổ biến trước khi kết thúc Dự án.
 - Việc phổ biến các tài liệu này đã được thảo luận và khẳng định cần được phổ biến thông qua Chương trình giao lưu học tập (CSS), hội thảo và các phương tiện khác.
4. Chuyển giao các hoạt động chính của Dự án từ JET
 - Bộ Xây dựng (BXD)
 - Kế hoạch thực hiện tập huấn của JET đối với các cán bộ đối tác của BXD về quản lý dữ liệu thống kê Quản lý Chất thải rắn quốc gia đã được quyết định và việc tổ chức thực hiện hiệu quả nó cho đến khi Dự án kết thúc cũng đã được thảo luận.
 - Các bên đã khẳng định rằng BXD sẽ nỗ lực để tổ chức thực hiện bốn CSS theo kế hoạch đã định trước khi Dự án kết thúc, và sẽ cân nhắc khả năng để vận dụng những kết quả của Dự án sau khi Dự án kết thúc.
 - Sở Xây dựng Hà Nội
 - Các bên đã xác nhận rằng JET và Sở Xây dựng Hà Nội cần thảo luận về các biện pháp cần thiết để thực hiện các dự án ưu tiên làm cơ sở nghiên cứu đề xuất UBND thành phố Hà Nội các phương pháp để thực hiện.
 - Sở Xây dựng/Ban chỉ đạo tỉnh Thừa Thiên Huế
 - Các bên đã xác nhận rằng Sở Xây dựng và Ban chỉ đạo tỉnh Thừa Thiên Huế cần phối hợp với JET để thực hiện và phân tích các dự án ưu tiên, và thảo luận khả năng thực hiện trong tương lai bao gồm cả việc bố trí nguồn vốn.

5. Chia sẻ kiến thức thông qua hội thảo
Các bên đã khẳng định rằng tổ chức hội thảo nhằm chia sẻ và phổ biến các tài liệu hướng dẫn cũng như các sản phẩm khác cần được tổ chức trong Quý IV năm 2017.

III. Kết luận

1. Xác nhận biên bản chính thức của buổi họp JCC
Bản tiếng Anh được coi là biên bản chính thức của buổi họp JCC này. Bản tiếng Việt được soạn thảo cho mục đích tham khảo. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt, bản tiếng Anh sẽ được sử dụng là căn cứ để các bên đối chiếu.
2. Báo cáo Đánh giá chung cuối kỳ
Báo cáo Đánh giá chung cuối kỳ được đính kèm tại Phụ lục 2 đã được trình trong buổi họp JCC lần thứ năm..

IV. Danh sách các phụ lục

- Phụ lục 1. Danh sách đại biểu tham dự cuộc họp JCC lần thứ năm
- Phụ lục 2. Báo cáo đánh giá chung cuối kỳ

Phụ lục 1. Danh sách đại biểu tham dự cuộc họp JCC lần thứ năm

Đối tác	TT	Tên	Chức vụ, cơ quan
Đối tác Việt Nam	1	Mai Thị Liên Hương	Cục trưởng, Cục Hạ tầng kỹ thuật (Cục HTKT), Bộ Xây dựng
	2	Nguyễn Quốc Tuấn	Phó Cục trưởng, Cục HTKT
	3	Đặng Anh Thư	Phó Giám đốc Dự án/ Trưởng phòng Quản lý chất thải rắn (Phòng QLCTR), Cục HTKT
	4	Nguyễn Khánh Long	Phó trưởng phòng, Phòng QLCTR, Cục HTKT
	5	Lê Thu Thủy	Phó trưởng phòng, Phòng QLCTR, Cục HTKT
	6	Hoàng Mạnh Hiệp	Chuyên viên phòng QLCTR, Cục HTKT
	7	Trần Kiều Anh	Như trên
	8	Phùng Anh Đức	Như trên
	9	Nguyễn Xuân Bách	Như trên
	10	Nguyễn Thị Bích Huệ	Phó Vụ trưởng, Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Xây dựng
	11	Nguyễn Thanh Tùng	Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Xây dựng
	12	Đình Minh Trí	Chuyên viên, Phòng Quản lý Hạ tầng Kỹ thuật, Sở Xây dựng Hà Nội
	13	Nguyễn Thu Trang	Chi cục Bảo vệ Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
	14	Nguyễn Lê Huyền	Phó trưởng phòng Đối ngoại, URENCO Hà Nội
	15	Nguyễn Đại Viên	Phó Giám đốc Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế
	16	Nguyễn Đắc Phước	Phó Trưởng phòng QL HTKT Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế
	17	Nguyễn Văn Thuận	Ban duy tu các công trình HTKT Sở Xây dựng Hà Nội
	18	Ninh Hoàng Hạnh	Trung tâm thông tin, Bộ Xây dựng
JICA	19	Naoki Kakioka	Phó trưởng đại diện JICA Việt Nam
	20	Yuko Kanto	Cố vấn lập dự án, JICA VN
	21	Đào Tố Cẩm	Cán bộ chương trình, JICA VN
	22	Shiro Amano	Cố vấn cao cấp Quản lý Chất thải rắn JICA
	23	Toshiko Shimada	Chuyên gia đánh giá cuối kỳ Dự án
Đoàn chuyên gia JICA	24	Hideki Wada	Trưởng đoàn chuyên gia JICA
	25	Norihisa Hirata	Phó trưởng đoàn
	26	Nguyễn Iluong Giang	Cán bộ dự án

Phụ lục 2. Báo cáo Đánh giá chung cuối kỳ

**JOINT TERMINAL EVALUATION REPORT
ON THE PROJECT FOR CAPACITY DEVELOPMENT ON
INTEGRATED MANAGEMENT OF MUNICIPAL
SOLID WASTE IN VIETNAM**

Hanoi, September 21, 2017



Mr. Naoki KAKIOKA
Leader of Japanese Terminal Evaluation Team
Senior Representative
Japan International Cooperation Agency
Vietnam Office
JAPAN



Ms. Nguyen Thi Bich Hue
Leader of Vietnamese Terminal Evaluation Team
Deputy Director General
International Cooperation Department
Ministry of Construction
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Contents

1. Introduction.....	1
1.1 Background.....	1
1.2 Objectives of the Terminal Evaluation	2
1.3 Joint Terminal Evaluation Study Team.....	2
1.4 Outline of the Project.....	2
1.5 Schedule of the Terminal Evaluation Study.....	3
1.6 Methodology of the Terminal Evaluation.....	4
2. Achievement of the Project.....	5
2.1 Inputs.....	5
2.1.1 Vietnamese side.....	5
2.1.2 Japanese side.....	5
2.2 Outputs.....	6
2.3 Project Purpose.....	14
2.4 Overall Goal.....	18
3. Implementation Process of the Project.....	20
4. Results of Evaluation with Five Evaluation Criteria.....	23
4.1 Relevance: High.....	23
4.2 Effectiveness: Moderately high.....	23
4.3 Efficiency: Medium to Moderately high.....	24
4.4 Impact (Prospects): Some positive impacts have emerged.....	25
4.5 Sustainability (Prospects): Not predictable.....	26
5. Conclusion.....	28
6. Recommendations.....	28
6.1 Recommendations to be implemented during the Project period.....	28
6.2 Recommendations to be implemented after the termination of the Project.....	29
7. Lessons Learned.....	30

Annexes

ANNEX 1	Project Design Matrix Version 4
ANNEX 2	Evaluation Grid
ANNEX 3	List of the counterparts
ANNEX 4	Costs borne by the Vietnamese Side
ANNEX 5	List of the Japanese Experts
ANNEX 6	Costs borne by the Japanese Side
ANNEX 7	List of Equipment provided by the Japanese side
ANNEX 8	List of the participants of Training in Japan

Note 1: The original text of this Report is English version. Vietnamese version is prepared for reference purpose only. In the event of any conflict between the English and Vietnamese versions, the English version shall prevail.

Note 2: The Terminal Evaluation Study was conducted six months before the completion of the Project.

Abbreviations

3R	Reduce – Reuse – Recycle
ATI	Administration of Technical Infrastructure
CSS	Co-learning Study Session
DOC	Department of Construction
DONRE	Department of Natural Resources and Environment
DPO	Detailed Plan of Operation
HEPCO	Hue Urban Environment and Public Works State Company
HPC	Hanoi People's Committee
ISWM	Integrated Solid Waste Management
JCC	Joint Coordinating Committee
JET	JICA Expert Team
JICA	Japan International Cooperation Agency
MOC	Ministry of Construction
MSWM	Municipal Solid Waste Management
PDM	Project Design Matrix
PO	Plan of Operation
PPC	Provincial People's Committee
R/D	Record of Discussion
STS	Septic Tank Sludge
SWM	Solid Waste Management
TTH	Thua Thien Hue
URENCO	Urban Environment One Member Limited Company
VND	Viet Nam Dong

1. Introduction

1.1 Background

In the Socialist Republic of Viet Nam (hereinafter referred to as “Vietnam”), the amount of solid waste has increased sharply and it gets hard to find new final disposal sites in large cities due to rapid urbanization and industrialization. Ordinary solid waste occupies approximately 80% of the total solid waste. Mean collection service coverage over the nation is estimated at approximately 75%. About 70 to 80 % of final disposal sites are inappropriately operated. Such open dumping has become a serious issue. Therefore, it is urgent to construct engineered landfills and to minimize waste amount by means of source separation, recycling and intermediate treatment.

In 2007, the Government of Vietnam enacted Decree No.59/2007/ND-CP on Solid Waste Management (SWM), which stipulates the definition and classification of solid waste and basic principles of SWM. This decree also prescribes the local governments’ responsibility to establish solid waste master plans including development of SWM related facilities. The National Strategy on Integrated SWM which was approved in 2009 (Decision No. 2149/2009/QĐ-TTg) which sets such goals as to achieve an ordinary waste collection rate of 85% by 2015, to reach a reuse/recycling rate of 35% by 2015, and to formulate SWM master plans in all urban cities. To achieve these goals, it also clarifies responsibilities among relevant organizations.

The Ministry of Construction (MOC), a responsible authority of SWM, has intended to establish a sound ordinary SWM by gaining the public understanding and cooperation, in which separate collection, recycling facilities and sanitary landfills are well harmonized for waste minimization considering the scale and characteristic of each city.

Under these circumstances, the Government of Vietnam requested the Government of Japan to carry out a technical assistance project to improve capacity of SWM at both central and local government levels. Upon this request Japan International Cooperation Agency (JICA) dispatched the Detailed Planning Survey Team in January 2010 to formulate and agreed on the detailed design of the Project for Capacity Development on Integrated Management of Municipal Solid Waste (hereinafter referred to as “the Project”) and the official Record of Discussion (R/D) was signed on June 17, 2013 accordingly. The Project started from March 31, 2014 as a four-year technical cooperation project. As the Project will terminate in March 2018, the Terminal Evaluation Study was conducted from September 5 to 22, 2017.

A

R

1.2 Objectives of the Terminal Evaluation

- (1) To confirm progress of the Project and examine achievement of the Project Purpose by the end of the Project
- (2) To clarify the priority issues and challenges by the end of the Project
- (3) To assess the Project based on the five criteria such as relevance, effectiveness, efficiency, impact, and sustainability
- (4) To make recommendations to be implemented by the end of the Project and after the termination of the Project
- (5) To obtain lessons learned from the Project for better implementation of other projects

1.3 Joint Terminal Evaluation Study Team

The Joint Terminal Evaluation Study Team (hereinafter referred as “the Team”) consists of the following members:

[Vietnamese Side]

Name	Title	Affiliation
Ms. Nguyen Thi Bich Hue	Leader	Deputy Director General, International Cooperation Department, MOC

[Japanese Side]

Name	Title	Affiliation
Mr. Naoki Kakioka	Leader	Senior Representative, JICA Vietnam Office
Mr. Shiro Amano	Solid Waste Management	JICA Advisor, Global Environment Department, JICA Headquarters
Ms. Yuko Kanto	Evaluation Planning	Project Formulation Advisor, JICA Vietnam Office
Ms. Dao To Cam	Evaluation Planning	Program Officer, JICA Vietnam Office
Ms. Toshiko Shimada	Evaluation Analysis	Consultant, IC Net Limited

1.4 Outline of the Project

The Project was implemented based on the Project Design Matrix (PDM) Version 0 that was agreed in the R/D on June 17, 2013. This PDM was revised four times during the implementation of the Project. The PDM Version 4, which is the latest one approved by the fourth Joint Coordinating Committee (JCC) on April 12, 2017, is described below.

(1) Overall Goal

Long term (Super Goal)	Integrated solid waste management (ISWM) is established overall in Vietnam in accordance with the National Strategy on ISWM.
Short term (5 years after the completion of the Project)	ISWM system on municipal solid waste is established in accordance with the national strategy on ISWM.

A

BR

(2) Project Purpose

Capacity of municipal solid waste management (MSWM) is developed comprehensively in central and local governments.

(3) Output

Output 1	Capacity of MOC on management, policy-making, and support system for local governments to execute the National Strategy on ISWM is enhanced, in particular for MSWM.
Output 2	Capacity of Hanoi Department of Construction (DOC) on implementation of ISWM is enhanced.
Output 3	Technical support capacity of MOC for preparation of ISWM Master Plan, in particular for municipal solid waste management sector, is enhanced through model Province.

1.5 Schedule of the Terminal Evaluation Study

Date	Programme
Sep 5 (Tue)	Arrival of Ms. Shimada in Hanoi 15:30-17:00 Meeting in JICA Vietnam Office
Sep 6 (Wed)	9:00-14:00 Interview with the Japanese Expert Team 14:15-15:30 Meeting with the member of Joint Evaluation Team 16:00-18:00 Courtesy call on and interview with Ms Mai Thi Lien Huong (DG)
Sep 7 (Thu)	9:00-10:00 Interview with URENCO 10:00-11:30 Interview with Hanoi DOC 13:30-17:00 Interview with ATI-MOC
Sep 8 (Fri)	8:30-12:00 Interview with ATI-MOC 15:00-17:30 Interview with the Japanese Expert Team
Sep 9 (Sat)	Compiling the results of interview
Sep 10 (Sun)	Arrival of Mr. Amano in Hanoi 17:30 Departure from Hanoi 18:40 Arrive in Hue
Sep 11 (Mon)	8:00 Site visit of prioritized projects 13:30-14:30 Courtesy call on TTH PPC Vice Chairman and the Steering Committee 16:00-17:30 Interview with TTH DOC 19:30 Departure from Hue 20:35 Arrive in Hue
Sep 12 (Tue)	AM Compiling the results of interview 15:00-16:00 Interview with the Japanese Expert Team
Sep 13 (Wed)	AM Compiling the results of interview 14:00-16:30 Meeting among the Japanese evaluators
Sep 14 (Thu)	Report preparation (Ms. Shimada) Site visit to waste treatment complexes and waste collection (Mr. Amano)
Sep 15 (Fri)	Report preparation
Sep 16 (Sat)	Report preparation
Sep 17 (Sun)	Report preparation
Sep 18 (Mon)	9:00-12:00 Meeting among the Joint Evaluation Team 13:30-17:00 Meeting among C/P, JET and the Joint Evaluation Team

Handwritten mark

Handwritten mark

Sep 19 (Tue)	9:00-17:00 Meeting among the counterparts, the JET and the Joint Evaluation Team
Sep 20(Wed)	Preparation for report
Sep 21 (Thu)	AM Finalizing the Joint Evaluation Report 13:00- 17:00 Joint Coordinating Committee
Sep 22 (Fri)	AM Courtesy call on Embassy of Japan 14:00-15:30 JICA reporting by TV conference
Sep 23 (Sat)	8:00 Departure from Hanoi 15:05 Arrive in Tokyo

1.6 Methodology of the Terminal Evaluation

The Project was evaluated using Project Cycle Management method defined in the New JICA Guidelines for Project Evaluation First Edition (2010). The procedures for the Terminal Evaluation were as follows:

- (1) The Team reviewed the PDM Version 4 (See the ANNEX 1).
- (2) The Team developed an Evaluation Grid (See the ANNEX 2).
- (3) The Team collected the necessary data for evaluation by reviewing the Project reports and the relevant documents, and undertaking a questionnaire survey and an interview with the counterparts of Administration of Technical Infrastructure (ATI) of MOC, the Hanoi DOC, Urban Environment One Member Limited Company (URENCO), the Thua Tien Hue (TTH) DOC, the Steering Committee and the Japanese Expert Team (JET) of the Project. The Team also conducted the site visit in prioritization projects in TTH Province and the landfill sites in Hanoi City.
- (4) The Team verified and evaluated the achievements as per the PDM Version 4 and implementation processes of the Project by referring to the Evaluation Grid.
- (5) The Team evaluated the Project based on the following five criteria:

Relevance	Relevance refers to the validity of the Project Purpose and the short-term Overall Goal in accordance with the policy direction of the Government of Vietnam and the Japanese Official Development Assistance as well as needs of beneficiaries and target groups.
Efficiency	Efficiency refers to the productivity of the implementation process, examining if the inputs of the Project were efficiently converted into the Output.
Effectiveness	Effectiveness refers to the extent to which the expected benefits of the Project have been achieved as planned, and examines if the benefit was brought about as a result of the Project.
Impact	Impact refers to direct and indirect, positive and negative impacts caused by implementing the Project, including the extent to which the short-term Overall Goal has been attained.
Sustainability	Sustainability refers to the extent to which the Vietnamese side can further develop the Project, and the benefits generated by the Project can be sustained in the policy, financial, institutional, organizational and technical aspects.

- (6) The Team made a conclusion based on the results of evaluation analysis. Also, the Team made recommendations to the Project, and obtained lessons learned from the Project.

A

-ll

2. Achievement of the Project

2.1 Inputs

2.1.1 Vietnamese side

1. At the time of the Terminal Evaluation, 23 people were assigned as the counterparts of MOC, the Hanoi DOC, URENCO, the TTH DOC and Hue Urban Environment and Public Works State Company (HEPCO). The total number of the counterparts by the time of the Terminal Evaluation stood at 32 people (See ANNEX 3).
2. The Vietnamese side allocated Viet Nam Dong (VND) 2,253.56 million for the office rent for the JET, the cost for the workshops and JCC meetings and others (See ANNEX 4).
3. The TTH Provincial People's Committee (PPC) provided the office space for the JET in its annex from May 2016.

2.1.2 Japanese side

1. Fifteen (15) experts were assigned. Their professional fields are as follows: 1) Chief Advisor/ISWM; 2) SWM Treatment Technology; 3) Institution Organization and Financial Management; 4) Waste Collection and Transport Planning¹/ Planning and Management of Procurement; 5) Intermediate Treatment and Recycling; 6) Sludge Disposal/Construction Waste Treatment and Recycling; 7) Industrial Waste Management and Planning; 8) Hazardous Waste Management and Planning; 9) Final Disposal Management and Planning; 10) Environmental and Social Consideration/Coordinator/Management of Waste Surveys; 11) Database Management/Environmental Education; 12) Planning and Cost Estimation of Waste Treatment Facilities; 13) Financial Planning; and 14) Study Tour in Japan. Six academic advisors were also assigned on the short-term basis. The total man (person)-months for the Japanese experts and the academic advisors were 166.64 as of September 30, 2017 (See ANNEX5).
2. The Japanese side has allocated 67.28 million yen, i.e., VND13.89 billion² for the cost of operation in Vietnam such as implementation of surveys, workshops and training, employment costs for staff and local consultants, transportation costs and other office operation costs (See ANNEX 6).
3. The Japanese side provided computers, digital cameras and other equipment required for Project activities. The total cost for equipment provided by the Japanese side stood at 0.845 million yen, i.e., VND 174.74 million³ (See ANNEX 7).
4. The Project provided training in Japan seven times in which 99 people from MOC, Hanoi, DOC, URENCO, TTH DOC, and other related organizations participated (See ANNEX 8)⁴.

¹ Two experts were dispatched.

² Exchange rate was adopted according to JICA's procurement rate (VND1=¥ 0.004841 in September 2017).

³ Exchange rate was adopted according to JICA's procurement rate (VND1=¥ 0.004841 in September 2017).

⁴ The Project will organize one more training in Japan scheduled from September 23 to October 4, 2017, in which 12 people will participate.

A

R

2.2 Outputs

The degree of achievement on each output is described below:

Output 1:	Capacity of MOC on management, policy-making, and support system for local governments to execute the National Strategy on ISWM is enhanced, in particular for MSWM.
------------------	---

The following indicators were defined in order to evaluate the achievement of the Output 1:

Indicator 1a.	By the end of the Project, 100 % of the draft guiding references, developed through the Project, are accepted by ATI, MOC for policy support to local governments.
----------------------	---

The Indicator 1a is not appropriate to measure whether the capacity of MOC has been improved because the counterparts of MOC were expected to be actively involved in the development of guiding references in the Project, not to just accept them as a product. Thus, the Evaluation Team considered that it is not appropriate to measure the improvement of capacity of MOC by this Indicator. However, the Team confirmed that the Project has so far drafted six guiding references. The drafts of these references were basically prepared by the JET based on the Project's activities such as review and analysis of current SWM in Vietnam, development of the ISWM Master Plan in TTH Province and others, and finalized through a series of discussion between the counterparts of MOC and the JET. The progress of these drafts at the time of the Terminal Evaluation was as follows: three drafts were already finalized; two were almost finalized; and the remaining one needs to be further discussed between the counterparts of MOC and the JET, and to collect and integrated comments from the stakeholders in the Co-learning Study Session (CSS) (See Table 1). These guiding references are likely to be completely developed and printed by the end of the Project.

Table 1: Guiding references developed by the Project

Document name	Progress
1. Guiding reference for formulation of ISMM mater plan	Almost finalized
2. Guiding reference for mid-term/long-term facility development plan	Already finalized
3. Guiding reference to select technology	Already finalized
4. Guiding reference for construction planning	Already finalized
5. Guiding reference for investment and management of domestic waste treatment facilities	Almost finalized
6. Guiding reference for establishing a sound financial management	The draft submitted by the JET needs to be discussed for finalization among the stakeholders.

Source: provided by the Project

Indicator 1b.	The present conditions of MSWM are monitored nationwide by ATI, MOC
----------------------	--

annually through collection of at least 40 items of data and its aggregation into the database.

The Indicator 1b has been on track and will be achieved by the end of the Project. Collection of accurate data is indispensable for analyzing the status of solid waste and taking effective countermeasures of ISWM. Before the implementation of the Project, the MOC has collected the data of SWM including 40 items from 63 provinces/cities. The aggregated data have been published as part of Statistics Yearbook by the General Statistics Office. The Project has developed the data management system of statistics on SWM to review and monitor the status of SWM in all provinces/cities. Specifically, the JET has taken initiatives in developing a data form to be filled out by all provinces/cities, reviewing the quality of the collected data of 56 items, and aggregating into the database by using the computer software developed by the Project. In 2016, the JET has demonstrated the data aggregation and analysis of 125 items as part of on-the-job training for the counterparts of MOC three times. At the time of the Terminal Evaluation, the counterparts who received such training had taken the lead in collecting 119 items of SWM-related data and planning to review the quality of these data.

Table 2: Number of data items on SWM collected by the Project

Year	Number of data on SWM
Before 2015	40
2015	56
2016	125
2017	119

Source: provided by the Project

Indicator 1c. The major aggregated data are compiled in project's documents to be shared with Cities/Provinces in 2016 and 2017.

The Indicator 1c has been on track, and will be achieved by the end of the Project. The JET has prepared a booklet titled the Vietnam Waste at a Glance using the collected and aggregated data in 2015. According to the counterparts of MOC, they have reviewed it and found the need to make it more user-friendly and reliable by modifying some descriptions and correcting data. They plan to distribute it as a reference document with the logo marks of MOC, JICA and the Project by the end of the Project, and will upload it at the web site.

Indicator 1d. Domestic seminars on ISWM are organized once per year by MOC during implementation of the Project.

The MOC has organized the workshops two times, the seminars two times, and the CSS five times with the support of JET in the Project (See Table 3). Thus, the Indicator 1d has been already achieved.

ff

ff

Table 3: Workshops, seminars and CSS in the Project

	Date	Events	Content	Place	Number of participants
1	Aug 11, 2014	Workshop on Integrated Solid Waste Management in Vietnam	<ul style="list-style-type: none"> To discuss and identify the current situation of solid waste management in Vietnam To identify issues to be solved solid waste management in Vietnam To develop relationships and establish network for ongoing coordination among other ministries, provinces, related agencies, business entities, and scientists To advertise the issues and solutions to related organizations and citizens 	Hanoi	170
2	April 27, 2015	Preliminary CSS Technology selection	<ul style="list-style-type: none"> To share the guidance manuals on technology selection, facility development plan, and financial issues with the participating provinces, To train the participating provinces how to use the manuals and To obtain the feedbacks from the participating provinces 	Hue City, TTH Province	15
3	Jan 14, 2015	Workshop on Integrated solid waste management - Worldwide trend of solid waste management and the applicability in Vietnam	<ul style="list-style-type: none"> To share the progress of the project To discuss solutions for solving the issues shared in the first workshop 	Hanoi	147
4	Jan 15, 2016	Seminar for Capacity Development of Integrated Solid Waste Management toward Effective Management and Sustainable Development	<ul style="list-style-type: none"> To share the progresses and products with the related ministries and provinces. To discuss the next step, based on the shared information 	Hochimi nh City	77
5	Nov 9, 2016	Seminar for Integrated approach for the development of solid waste treatment facilities	<ul style="list-style-type: none"> To share overview of domestic solid waste management in Vietnam based on data analysis? To assess performance of Decision No.2149/QĐ-TTg dated December 17, 2009 To share data collection through some experiences of Japan To share the proper selection of a SW treatment technology To share investment for SWM including financial issue 	Hochimi nh City	74
6	Nov. 11, 2016	1 st CSS for South-Central Region	<ul style="list-style-type: none"> To share the guidance manuals with the Provinces To train the Provinces on how to use the manuals To review the guidance manuals by applying them 	Nha Trang, Khanh Hoa	22
7	Dec 16, 2016	1 st CSS for Mekong River Delta Region	<ul style="list-style-type: none"> Ditto 	Can Tho City	24

A

ff

8	June17, 2017	2 nd CSS for Mekong River Delta Region	<ul style="list-style-type: none"> • To share the guidance manuals with the Provinces • To train the Provinces on how to use the manuals • To review the guidance manuals by applying them 	Long An Province	22
9	June22, 2017	2 nd CSS for South-Central Region	<ul style="list-style-type: none"> • To share the guidance manuals with the Provinces • To train the Provinces on how to use the manuals • To review the guidance manuals by applying them 	Lam Dong Province	22

Source: provided by the Project

Indicator 1e. Policy guidance from MOC to the local governments are implemented in the domestic seminars, Co-learning Study Session (CSS), from 2015, utilizing the acquired knowledge and deliverables during implementation of the Project.

The Indicator 1e has been achieved, considering the results of workshops and CSS where several counterparts of MOC provided the presentation of policy guidance of SWM. The Project has organized the CSS, aiming at sharing the issues on SWM among the participants from central and local governments, discussing measures and improving the capacity of MOC to provide the policy guidance to local governments. Most of the counterparts of MOC interviewed by the Team noted that the CSS was very effective in enabling the participants of cities and provinces to discuss the challenges and the measures of SWM interactively. Others also mentioned such an interactive session in a small group made it easy for the participants to understand the legal and policy issues related to SWM.

Summary of Output 1

All the activities under the Output 1 have made good progress. The Indicator 1d and 1e have been already achieved; the Indicator 1b and 1c have been on track and will be achieved by the end of the Project. Regarding the Indicator 1a, i.e., the acceptance of guiding reference by MOC, the Team considered that it is not appropriate to measure the improvement of capacity of MOC by this Indicator. However, the Team has confirmed good progress of development of the guiding references based on the Project's activities. Considering the above, the Output 1 has been almost achieved.

Output 2: Capacity of Hanoi DOC on implementation of ISWM is enhanced.

The following indicators were defined in order to evaluate the achievement of the Output 2:

Indicator 2a By December 2015, Implementation Plan of Hanoi Solid Waste Treatment Master Plan, with proposals on 5-year priority projects on domestic waste,

A

ff

construction waste, and septic tank sludge, is developed.

The Indicator 2a has been already achieved because the counterparts of Hanoi DOC developed the Implementation Plan of Hanoi Solid Waste Treatment Master Plan in December 2015, focusing (1) domestic waste, (2) construction waste and (3) septic tank sludge. The priority projects proposed in the Implementation Plan are illustrated in Table 4.

Table 4: Priority projects proposed in the Implementation Plan

1	Domestic waste priority project
a	Improvement of collection and transportation
b	Comprehensive monitoring of Master Plan implementation
c	Establishment of "Modernizing Waste Management Office for Avoiding Crisis"
2	Construction waste priority project
a	Establishment of technical standards for recycle products of construction waste
b	Construction, O&M of recycle plants
c	Utilization of recycled products at construction works
3	Septic Tank Sludge (STS) priority project
a	Cau Dien Treatment Plant
b	STS collection into Cau Dien Treatment Plant
c	Expansion In whole Hanoi City

Source: provided by the Project

Indicator 2b **The initial stage of the approved priority projects is implemented by Hanoi DOC from September 2016.**

The Indicator 2b has not been fully achieved yet because the progress of activities differed from one priority project to another. First, the progress of domestic waste priority project was as follows: the Hanoi DOC in cooperation with URENCO and JET submitted the report on sustainable use of Soc Son waste treatment complex to the Hanoi People's Committee (HPC) in December 2016, which was developed based on the results of the Pre-Feasibility Study under the Project; and the Project has prepared the draft regulation of domestic waste management through a series of discussion between the counterparts of Hanoi DOC and the JET in accordance with the Degree No. 38/2016/ND-CP on waste and scrap management.

Second, the following good progress of construction waste priority project was confirmed: the Hanoi DOC, with the support of the JET, has submitted the draft of the scheme on enhancing the effectiveness of construction waste collection, treatment and reuse in Hanoi city and the draft proposal for construction waste program to the HPC in July and August 2017 respectively.

Third, the less progress of STS priority project was confirmed: The Project has not been able to conduct a workshop for private collection companies to discuss the status of collection of STS and measures for effective collection and transportation of STS. The Project has been preparing for organizing that

workshop. According to the counterparts of Hanoi DOC and URECO, it was hard for them even to identify such private collection companies of STS to invite the workshop because they tended to hesitate to contact the government or semi-government institutions such as the Hanoi DOC and URENCO. Some of them might be involved in dumping STS illegally. The JET noted that they had already identified some of them and sent as well as collected the questionnaire to confirm the status and their willingness to transport the collected STS to Can Dien Treatment Plant operated by URENCO.

Summary of Output 2

The Indicator 2a has been already achieved, while the activities of STS are being carried out regarding the Indicator 2b. Thus, the Output 2 has been almost achieved but not fully achieved at the time of the Terminal Evaluation.

Output 3:	Technical support capacity of MOC for preparation of ISWM Master Plan, in particular for municipal solid waste management sector, is enhanced through model Province.
------------------	--

The following indicators were defined in order to evaluate the achievement of the Output 3:

Indicator 3a.	The capacity status of existing SWM in TTH Province is analyzed by MOC during selection.
----------------------	---

The Indicator 3a has been already achieved during the selection of the model province in 2014. The counterparts of MOC and the JET assessed 10 provinces recommended by the MOC as the candidates as per the selection criteria⁵. Based on the results of assessment, TTH Province was selected as the model province and approved by the 1st JCC on July 8, 2014.

Indicator 3b.	Technical comments on ISWM Master Plan in particular for MSWM sector of TTH Province are provided by MOC during preparation master plan formulation.
----------------------	---

The Indicator 3b has been also achieved because the MOC provided technical comments on the draft of the ISWM Mater Plan developed by the TTH DOC in cooperation with the members of Task Force and the JET in 2015.

Indicator 3c.	Written comments on ISWM Master Plan was provided by MOC to Provincial People's Committee before approval.
----------------------	---

⁵ The selection criteria includes: 1) It does not yet have a master plan of solid waste management or does have one already but requires to be improved; 2) It has a high priority on its policies and urgent need of SWM improvement and; 3) Its size of population is small-medium.

A

B

The Indicator 3c has been already achieved. The TTH DOC submitted the ISWM Master Plan in May 2016. The MOC provided the written comments on it to the TTH PPC before the approval. Immediately after this, the TTH PPC integrated its comments into the ISWM Master Plan and approved it in June 2016.

Indicator 3d.	Progress of pilot trials and preparation for priority projects identified in the ISWM Master plan is monitored by ATL-MOC through a progress report of each project.
----------------------	---

The Indicator 3d has been achieved because the progress of priority projects has been monitored by various means.

Once the ISWM Mater Plan was approved, the TTH PPC decided to undertake eight priority projects determined in the Master Plan through a series of discussion with the MOC, the JET and the concerned departments and organizations in TTH Province on June 23, 2016. For the effective implementation of priority projects, the Project has formed a Steering Committee on September 15, 2016 chaired by the Vice Chairperson of TTH PPC, comprising the related departments and institutions such as DOC, Department of Natural Resources and Environment (DONRE), Department of Agricultural and Rural Development, Department of Education and Training, Department of Finance, HEPCO and others.

These priority projects have been just launched since November 2016 with the technical support of the JET. The Project has conducted the following monitoring activities: (1) submission of monitoring sheets by the JET to MOC and the TTH DOC every three months; (2) submission of regular reports by the TTH DOC to MOC; and (3) joint monitoring visits by MOC and the JET six times to the sites of priority projects. As indicated in Table 5, the Team has visited most of the sites and confirmed that all priority projects have just commenced on a relatively small scale in the scattered areas of TTH Province. The JET, in cooperation with the TTH DOC, other members of the Steering Committee and other stakeholders has taken the initiatives in implementing most of priority projects.

Table 5: Progress of priority projects in the TTH Province under the Project

1	Promotion of community-based composting
Community-based composting has been undertaken in Huong Xuan Ward with 78 households and Quang Tho Commune with 270 households. According to the members of Steering Committee, the collected amount of organic waste was smaller than expected at the beginning. Thus, the project provided Xuan Ward with a bicycle with attached container to increase the collection amount. As a result, the amount of organic waste collected has been significantly increased by 300%. The first batch of compost will be ready soon and will be utilized for farming. The project also decided to increase the target groups including Quang Tho Commune, a local market and a kinder garden. The JET explained that the awareness of the residents and local people has been enhanced to make composting, and that proper source separation of organic waste is the key to produce good quality of compost.	

A

ff

2	Promotion of 3Rs (Reduce – Reuse – Recycle) in cooperation with business entities
<p>Nguyen Tri Phuong secondary school has been carrying out source separation in class rooms, the canteen and the premises of school. The students designed a mascot to be used for promotion of awareness of source separation and pasted a note of type of waste for source separation with this mascot on dust bins. Every week, the teachers have encouraged the students to undertake source separation during mass meetings. The source separation in class rooms has been undertaken appropriately; there seemed to be a room for improvement of source separation in the premises of school and the canteen. According to the teacher, this might be because the new school term just started and new students were not well aware of source separation practice at school. The DOC plans to coordinate with the Department of Education and Training for expanding such activities to other schools. The JET is looking for an opportunity to collaborate with JOCV (Japanese Overseas Cooperation Volunteer) for promotion of 3R activities at school.</p> <p>The Project has implemented the separation of beverage bottle containers in the office building. Separate discharge has been introduced, but seemed to be further improved. More awareness to tenants and monitoring by the Project is required to have effective source separation and collection of recyclables.</p> <p>The Project has also introduced the drop-off collection for dry cell battery in La Residence Hall, Indochine Hotel and HEPSCO. The collected battery is planned to be either disposed of at the Loc Thuy landfill site or treated by the incinerator under construction at Thuy Phuong landfill.</p>	
3	Pilot source separation
<p>The Project has identified the apartment for the pilot source separation, and soon to start the activities. The members of Steering Committee have emphasized the necessity of source separation and showed the strong willingness to introduce it in TTH Province.</p>	
4	Facility development in Phu Son and Huong Binh
<p>The JET has given the comments on the detailed planning of centralized treatment facility in Phu Son and in selecting an investor for providing technical support through a series of discussion with the DOC and other stakeholders. Regarding Huong Binh, the TTH PPC and Fukuoka Prefectural Government in Japan have signed the Memorandum of Understanding for technical cooperation to construct a semi-aerobic landfill.</p>	
5	Cement feeding
<p>The JET has taken the lead in conducting the chemical analysis on the samples of ash, and discussed with a cement manufacture for further activities.</p>	
6	Committee for implementation of the Master Plan
<p>The Steering Committee established by the Project has actively discussed the progress of priority projects including issues arisen during the implementation with the JET.</p>	
7	Development of Data Book
<p>The DOC and the JET have developed and published the Data Book 2015 to describe the current situation of waste management in TTH Province. It has received a good reputation from the stakeholders. The DOC TTH is now discussing the preparation of the Data Book 2016 with the JET.</p>	
8	Introduction of comprehensive financial system
<p>The DOC and the JET have discussed the fee recovery system for Phu Son Regional Plant with the Department of Finance.</p>	

Source: The Terminal Evaluation Study

Indicator 3e.	By the end of the Project, guiding reference for Master Plan for ISWM preparation is issued/accepted by ATI-MOC.
----------------------	---

The Indicator 3e is part of the Indicator 1a of the Output 1. The Project has drafted the guiding reference for Master Plan for ISWM based on the experiences of TTH Province. It is highly likely to be finalized and distributed to provinces by the end of the Project. Therefore, the Indicator 3e has been on track and will be achieved by the end of the Project.

Summary of Output 3

Except for the Indicator 3e, all four Indicators have been already achieved. Given this, the Output has

Ar

HI

been almost achieved at the time of the Terminal Evaluation. It should be noted that the Output 3 focuses on improving technical support capacity of MOC through the various Project activities in the model province, i.e., TTH Province. However, no Outputs were designed in the PDM to improve the capacity of TTH Province although it was described in the Indicator 4 of the Project Purpose.

2.3 Project Purpose

Project Purpose:	Capacity of municipal solid waste management (MSWM) is developed comprehensively in central and local governments.
-------------------------	---

The current status of each verifiable indicator is presented below.

Indicator 1	By the end of the Project, at least 80 % of the drafts of legal documents on MSWM, developed or revised through the Project, are submitted to the competent agencies by MOC*. * "submitted to the competent agencies by MOC" means to be sent to other related agencies for their comments.
--------------------	--

It is not always required to submit all legal documents prepared by the MOC to the other related ministries and organizations. It depends on the content of legal documents. Considering this, it is not necessarily relevant to set the Indicator 1 to measure the MOC's capacity of ISWM. Thus, the Team regarded that it is not appropriate to measure the MOC's capacity by this Indicator. However, the Team has confirmed that the Project has drafted the new legal documents and amended the existing ones related to SWM.

By the time of the Terminal Evaluation, the Project has so far been involved in drafting or commenting eight legal documents. Out of the eight legal documents, the Project has newly drafted the following two: (1) Standard contract form for collection, transportation and treatment of domestic solid waste; and (2) Regulation on construction waste. The Project has also prepared the four drafts of amended documents as follows: (3) National technical regulations on urban infrastructures; (4) National Strategy on ISWM; (5) Decree on SWM facilities; and (6) National technical regulation on planning. Moreover, the Project has contributed to two other legal documents by providing the comment to the concerned organizations: (7) Decree on Waste and Scrap Management and (8) Circular on domestic solid waste treatment services price.

To date, the four legal documents already have come into effect as follows:

- Decree No.38/ND-CP dated on 24/4/2015 of the Government on Waste and Scrap Management
- Circular No.07/2017/TT-BXD dated on 15/5/2017 on guiding the determination of service price for domestic solid waste treatment service

- Circular No.08/2017/TT-BXD dated on 16/5/2017 on management of construction waste
- QCVN07:2016/BXD National Technical Regulations on Technical Infrastructure Works

The status of the remaining four documents is presented below:

- Regarding the standard contract form, the ATI is reviewing the comments by the Department of Legal Affairs before submitting to the Minister of MOC.
- The MOC has already submitted the draft of amended National Strategy on ISWM to the Prime Minister for its approval. It can be expected to be approved by the end of the Project.
- Concerning the amendment of Decree No. 59 on SWM facilities, it depends on the government's annual program on legal document development. Also, the MOC needs to reflect some of the provisions related to SWM, i.e., Article 7 to Article 12 stipulated in the Decree No. 59 which were not covered by the Decree No. 38 into the amendment of Decree on SWM facilities. It will take time to amend it.
- The Project has provided the comments related to SWM to the draft of National Technical Regulation on Planning. According to the counterparts of MOC, it is likely to be approved by the Minister by the end of this year or in the beginning of next year.

A

ff

Table 6: Legal documents prepared and commented by the Project

Name of legal documents	Original version	New Version	Activities under the Project
1 Standard contract form for collection, transportation and treatment of domestic solid waste	-	(It will be issued as new circular on contract form for collection, transportation and treatment of domestic solid waste) Number and title: not sure	The Project prepared it as Activity 1.1.5 of Detail Plan of Operation (DPO).
2 Regulation on construction waste	-	<input checked="" type="checkbox"/> Circular No.08/2017/TT-BXD dated on 16/5/2017 on management of construction waste	The Project prepared it as Activity 1.1.6 of DPO.
3 National Technical Regulations on Urban Infrastructures	QCVN07:2010/BXD National Technical Regulations on Technical Infrastructure Works	<input checked="" type="checkbox"/> QCVN07:2016/BXD National Technical Regulations on Technical Infrastructure Works	The Project drafted the amended National Technical Regulations on Urban Infrastructures.
4 National Strategy on ISWM	Decision No.2149/QĐ-TTg approval the national strategy for integrated management of solid waste until 2025, vision to 2050	Number and title: not sure	The Project drafted the amended National Strategy on ISWM as the Activity
5 Decree on SWM facilities	Decree No.59/2007/ND-CP on solid waste management	Number and title: not sure	The Project drafted the amended Decree No.59 as Activity 1.1.2 of DPO.
6 National Technical Regulation on Planning	QCXDVN01:2008/BXD - National Technical Regulation on Regional and Urban Planning and Rural Residential Planning	Number and title: not sure	The Project partially drafted the amended National Technical Regulation on Planning as Activity 1.1.7 of DPO.
7 Decree on Waste and Scrap Management	-	<input checked="" type="checkbox"/> Decree No.38/ND-CP dated on 24/4/2015 of the Government on Waste and Scrap Management	The Project commented it based on the review as Activity 1.1.1 of DPO.
8 Circular on domestic solid waste treatment services price	-	<input checked="" type="checkbox"/> Circular No.07/2017/TT-BXD dated on 15/5/2017 on guiding the determination of service price for domestic solid waste treatment service	The Project commented it based on the Activity 1.1.3 of DPO.

Source: The Terminal Evaluation Study

Indicator 2	By the end of the Project, staff of MOC enhances its management capacity comprehensively in terms of the capacity assessment items *. *The target value is 7.0 points in all capacities.
--------------------	--

The Project has conducted the capacity assessment for the counterparts of MOC twice in September 2014 and October 2015. The Project has yet to carry out the end-line capacity assessment but planned to undertake it in October 2017 after the Terminal Evaluation. The Team has found some drawbacks of the design of this capacity assessment. For example, the Project set no evaluation criteria on a scale of one to five or one to ten, which means the definition of each scale differed among respondents. Furthermore, some of the items of capacity assessment have no clear interrelation with the Project's activities. For instance, the respondents were asked to give scores to the question of "number of staff in MOC" under the category of institutional management. However, the Project cannot undertake any relevant activities for improving this. The design of the assessment developed by the Project might be useful to some extent to understand the views of respondents as part of situation analysis. However, it is hard to assess the extent of individual, institutional and organizational capacity to be improved by the Project objectively. Thus, the Team was unable to assess the achievement of the Indicator 2.

However, the Team has recognized that the counterparts of MOC have improved their capacity related to SWM through the participation of the Project' activities including the training in Japan. Most of the counterparts of MOC noted the significant improved knowledge, skills and experiences as follows:

- Knowledge and skills on national SWM statistics including data management and analysis;
- Knowledge and know-how of ISWM including the experiences and practices of SWM in Japan and other counties through the process of development of legal documents, guiding references, a series of discussion with the JET and participation of training in Japan;
- Knowledge of policies and history of SWM in Japan, and know-how of various practices of SWM including source separation, public participation and Public Private Partnership, technical options for treatment of waste, planning and management of waste treatment facilities in Japan;
- Knowledge and know-how of project management and coordination with stakeholders; and
- Skills and know-how of facilitating training and making presentations.

Indicator 3	By the end of the Project, staff of Hanoi DOC enhances its capacity comprehensively in terms of the capacity assessment items *. *The target value is 7.0 points in all capacities.
--------------------	---

As described in the Indicator 2, the Team was unable to assess the achievement of the Indicator 3. On the other hand, the Team has found the changes and improvement of capacity of counterparts of Hanoi DOC as below:

A

R

- Knowledge and know-how of ISWM, particularly through the intensive discussion with the JET regarding preparation of legal documents related to domestic and construction waste management;
- Knowledge and assessment of the completion of Master Plan including the proposal of the plan for waste treatment facilities; and
- Knowledge and know-how of Japanese policies and history of SWM, various practices of SWM including source separation, public participation and Public Private Partnership, technical options for treatment of waste, planning and management of waste treatment facilities;

Indicator 4	By the end of the Project, staff of Thua Thien Hue Province enhances its capacity comprehensively in terms of the capacity assessment items *. *The target value is 7.0 points in all capacities.
--------------------	---

The Team was unable to assess the achievement of the Indicator 4 because of the same reasons described in the Indicator 2. Nevertheless, the Team has confirmed that the counterparts of TTH Province have enhanced the capacity through the participation of the Project as follows:

- Knowledge and know-how of formulation of the Master Plan of ISWM;
- Knowledge of approaches of priority projects determined in the Master Plan of ISWM;
- Coordination skills with the members of the Steering Committee and other stakeholders; and
- Knowledge and know-how of Japanese policies and history of SWM, various practices of SWM including source separation, public participation and Public Private Partnership, technical options for treatment of waste, and planning and management of waste treatment facilities.

Summary of Project Purpose

The Team was unable to assess all four Indicators of the achievement of the Project Purpose objectively because of some drawbacks of these Indicators. Given the fact that all three Outputs which are expected to contribute to achievement of the Project Purpose have not been achieved at the time of the Terminal Evaluation, the Project Purpose has yet to be achieved. However, the Project has brought about the positive achievements, particularly of drafting and amending the legal documents of SWM. Furthermore, the Team has confirmed that the capacity of respective counterparts of MOC, Hanoi DOC and TTH Province has been gradually enhanced as a whole through the participation of various Project activities and the technical transfer from the JET.

2.4 Overall Goal

Short-term Overall Goal:	ISWM system on municipal solid waste is established in accordance with the national strategy on ISWM.
---------------------------------	--

Indicator 1	By March 2022, at least 3 Cities/Provinces develop/update or are
--------------------	---

A

PK

developing/updating "Integrated" Master Plans on SWM*.
*based on the guiding reference for master plan formulation

As described in the achievement of the Indicators 1a and 3e, the Project has prepared the draft of guiding reference for formulation of ISWM but not finalized yet. Thus, it was too early to predict the achievement of the Indicator 1 objectively at the time of the Terminal Evaluation. However, the Team has observed the positive signs towards the achievement of the Indicator 1. The Project has already shared the draft of this guiding reference with other stakeholders at the CSS. According to some counterparts interviewed by the Team, this guiding reference was useful and effective for cities and provinces in Vietnam. The counterparts of Hanoi DOC reported that they have used the draft guiding reference in the preparation process of the revision of their Master Plan. The counterparts of MOC indicated that they would disseminate this by sharing with the concerned organizations once it is printed.

The Team considered that only this Indicator is not enough to assess the achievement of the Overall Goal. The Project needs to add some other appropriate indicators of the Overall Goal.

Summary of Overall Goal

At the time of the Terminal Evaluation, it was too early to predict the achievement of the Overall Goal. That is because the guiding reference described in the Indicator 1 has yet to be finalized and distributed. However, the Team has found some positive signs of using this guiding reference. Regarding the Indicator of the Overall Goal, the Project needs to add some other appropriate indicators in order to measure the achievement of the Overall Goal appropriately.

3. Implementation Process of the Project

Project management and progress of activities

Overall, the Project has implemented or been implementing most of the activities as planned. On the other hand, the Project has neither still launched nor completed several activities as per the Plan of Operation (PO) or the DPO. For example, the Project has not fully undertaken activities related to STS collection under the Output 2 and the pilot source separation under the Output 3. In addition, the Project has yet to finalize and distribute the guiding references and the booklet titled “Vietnam Waste at a Glance” under the Output 1.

Implementation structure

- The Project established a JCC chaired by the Vice Minister of MOC, comprising 7 members in accordance with the R/D. The members of JCC are: the ATI of MOC, the Department of International Cooperation, the Hanoi DOC, URENCO, the TTH DOC, the JET and JICA Vietnam Office⁶. The Project has organized the JCC meeting basically once a year. The majority of the Project’s stakeholders including the counterparts and the JET interviewed by the Team noted that the JCC was very effective in approving the annual PO, the revised PDM and the selection of the model province, sharing the progress of Project’s activities and discussing the issues arisen and the countermeasures.
- According to the counterparts and the JET interviewed by the Team, most of the activities under the Output 1 and the Output 2 have been discussed and implemented by a small number of stakeholders which include the concerned counterparts who are responsible for the respective activities and the JET in charge. Whenever necessary, the project managers of each Output or the project director have also participated in the meetings for discussion. In the case of the activities in TTH Province under the Output 3, the Steering Committee formed by the Project has worked like the JCC at the provincial level and organized the meetings to discuss the priority projects and share the progress of activities. The TTH DOC has held the individual meetings with the JET whenever they need to consult some issues intensively.

Monitoring

- The Project has monitored the progress of activities by various means: (1) JCC meetings once a year; (2) monthly meetings among the MOC, the JET and JICA Vietnam Office; (3) submission of monitoring sheets by the JET to the MOC to share the progress of activities under the Output 2 and the Output 3 every three months; (4) Steering Committee meetings in TTH Province on a quarterly basis; (5) joint monitoring of site visits by the counterparts of each organization and the JET; (6) individual meetings between the counterparts and the JET to confirm the progress of DPO; and (7)

⁶ DONRE is the observer of JCC.



the regular reporting by the DOC to the MOC.

- The Project has regularly monitored the activities based on the PO or the DPO. However, it can be inferred that it has rarely monitored the achievement of the Indicators described in the PDM.

Communication among Project stakeholders

- As most of the counterparts and the JET pointed out, the communication among the Project stakeholders has been gradually improved through a series of meetings, the joint monitoring activities, the CSS programs and workshops/seminars and the training in Japan. It was sometimes difficult for both the counterparts and the JET to communicate and coordinate with each other, particularly at the initial stage of the Project. It generally takes time to build the common understanding of the Project and the expected roles and responsibilities of stakeholders if it is the first time for the counterparts to take part in a JICA technical cooperation project. Moreover, both parties sometimes faced difficulties in adjusting the schedule because the counterparts were too busy with their regular tasks to find the time to work together during the limited assignment of JET in the second phase.

Sharing of knowledge and expertise and technical transfer

- In JICA technical cooperation projects, counterparts are expected to carry out or be involved in the project's activities under the guidance of Japanese experts. This learning by doing process enables the counterparts to gain knowledge, skills, know-how and experiences of certain development issues effectively through technical transfer and knowledge sharing from Japanese experts. In the beginning of the Project, the counterparts of MOC and the JET have held the weekly meetings to share the experiences of the Japanese practices on ISWM, and to discuss the ISWM-related issues as well as the possible measures in Vietnam. ISWM is a relatively new concept in Vietnam. It was difficult for the counterparts of MOC to take the lead in reviewing the existing framework and issues of SWM, and identifying the necessary measures from the viewpoint of ISWM in the Project because they were too busy for their routine works. Under these circumstances, the Project need to change its approach. The JET has taken the lead in preparing the drafts of legal documents and guiding references. Based on the drafts developed by the JET, the counterparts have provided their comments and further discussed with the JET for finalization. In the case of the Output 2 and the Output 3, the JET has also taken initiatives in proposing various ideas, and undertaking activities in consultation with the Hanoi DOC and the TTH DOC.
- Most of the counterparts interviewed by the Team indicated that they have acquired the knowledge and know-how on SWM through the JET and the training in Japan. They highly appreciated the expertise of the JET and the experiences of training in Japan. The concrete examples of improvement of capacities were described in the achievement of the Indicators 2, 3 and 4 of the

★

ff

Project Purpose (See 2.3 Project Purpose).

- The JET noted that the above-mentioned approach in which the JET took the lead in conducting activities was effective in deepening the understanding of counterparts regarding the ISWM including its approaches and techniques which were relatively new for them. Without any proposals and preliminary drafts prepared by the JET, it might be so difficult for the Project to carry out the planned activities. On the other hand, several members of JET acknowledged that the counterparts should have more taken the lead in undertaking the Project activities, but instead, the JET did.

Ownership of implementing agency and cooperating agencies

- All counterparts of MOC, Hanoi DOC and TTH Province have had the sense of responsibility for addressing the ISWM-related issues in the Project because effective ISWM becomes an urgent issue in Vietnam. However, it can be inferred that both the counterparts and the JET have not had a sufficient level of common understanding about the concept and scope of Project's activities in detail and the expected role and responsibilities of counterparts and the JET particularly at the initial stage of the Project. This may have negatively affected the smooth communication and coordination of the Project between both parties to a certain extent. As previously mentioned, that might be because it was the first time for both parties to work together in a JICA technical cooperation project. In accordance with the progress of activities and the participation of training in Japan, most of the counterparts have been more interested in Project's activities and gradually enhanced the willingness to carry out some of them including the data management of SWM statistics, the CSS and the priority projects determined in the Master Plan.

4. Results of Evaluation with Five Evaluation Criteria

4.1 Relevance: High

Results are summarized below:

Consistency of the policies of the Government of Vietnam and the Government of Japan

- The Project is consistent with the Decree No.59/2007/ND-CP on SWM which stipulates the local governments' responsibility to establish solid waste master plans including development of SWM related facilities. The Project is in line with the National Strategy on ISWM up to 2025 vision to 2050(Decision No.2149/2009/QD-TTg), which aims for establishing the ISWM system. It also sets such goals as to achieve an ordinary waste collection rate of 85% by 2015, to reach a reuse/recycling rate of 35% by 2015, and to formulate SWM master plans in all urban cities. In accordance with the revised Environmental Protection Law (2014), the Decree No.38/NC-CP on waste and scrap management came into force on June 15, 2015, which stipulates the role and responsibilities of MOC. According to this Decree No. 38/NC-CP, MOC's role and responsibilities related to planning of SWM, planning of construction of solid waste treatment facilities and investment and management of SWM facilities are not changed. Therefore, the Project is still relevant with the latest policies of the Government of Vietnam.
- According to Japan's Country Assistance Policy for Vietnam (2012) and the Official Development Assistance Rolling Plan of Japan for Vietnam (2014), "response to the negative impacts brought by economic development" is one of the three priority areas for assistance. The Project is one of the programs of urban environment management. The JICA Country Analytical Paper (2014) focuses the support to improving urban environment management based on Japan's experience, technologies and know-how. Thus the Project is consistent with these Japanese aid policies.
- JICA has consistently provided support and assistance to the SWM sector in Vietnam through undertakings including "Implementation support for 3R initiative in Hanoi City to contribute to the development of a sound material-cycle society", so called "3R project (2006 – 2009)".

Necessity of the Project

- It was urgent for the MOC and the Hanoi DOC as well as the TTH PPC to establish the ISWM system at the national and city/provincial levels as per the National Strategy National Strategy on ISWM up to 2025 vision to 2050 (Decision No.2149/2009/QD-TTg) and other relevant legal documents. Thus, the Project meets the urgent needs of these organizations to improve their capacity to establish the ISWM system.

4.2 Effectiveness: Moderately high

Achievement of the Project Purpose and contribution of Outputs

- All three Outputs have been almost achieved, which have contributed to the attainment of the

Project Purpose. However, the PDM does not have any Outputs to improve the capacity of staff of TTH Province stated in the Indicator 4 of the Project Purpose.

- The Team was unable to assess the exact extent of achievement of the Project Purpose because all four Indicators of the Project Purpose in the PDM have some drawbacks. However, the substantial purpose of developing capacity of MSWM has been on track.

Effects generated by the Project and Factors that promoted the effectiveness of the Project

- The most significant effect of the Project is that the Project has drafted the new legal documents and amended the existing ones related to SWM by identifying some areas of the overlap and the gaps in legal provisions between SWM-related legal documents. The Project has also contributed to QCVN/07, 2016/BXD (National Technical Regulations on Urban Infrastructure) and the Decree No.38/NC-CP on waste and scrap management by providing comments, which serves as the fundamental legal basis for mandates of MOC in accordance with the revised Environmental Protection Law (2014).
- The Project has brought about other various effects including the following: 1) developing the data management of national SWM statistics; 2) developing the guiding references on waste management including the formulation of ISWM Master Plan; 3) developing the Implementation Plan for Hanoi City; 4) developing the ISWM Master Plan in TTH Province; 5) enhancing the capacity of MOC, the Hanoi DOC and the TTH Province; and 6) sharing the knowledge and know-how of ISWM with other cities/provinces; and 7) providing the platform in which participants of CSS can discuss issues and challenges they encountered as well as possible measures of SWM.
- All of the above has helped enhance the overall effectiveness of the Project. Thus, the effectiveness of the Project was assessed as moderately high.

4.3 Efficiency: Medium to Moderately high

- All of the inputs from both the Vietnam and the Japanese sides were provided as scheduled. During the first phase of the Project⁷, the Project has produced various and many deliverables including several drafts of legal documents, the drafts of guiding references covering various areas of ISWM, the Implementation Plan in Hanoi City, the ISWM Master Plan in TTH Province, and the draft of “Vietnam Waste at a Glance”. That is because 14 experts who were assigned for this period have taken the lead in these activities. This has contributed to enhancing the efficiency of the Project.
- However, some of the Project activities have not been fully completed, which affected the achievement of the three Outputs. The Team has identified the several factors which might have affected the efficiency of the Project. First, the less number of experts, i.e., 7 experts were assigned

⁷ The Project has two phases: the first phase from March 31, 2014 to March 18, 2016; and the second phase from May 25, 2015 to March 15, 2018.



in the second phase based on the design of the Project⁸. Second, the second phase started two months behind schedule because of the delay in the contract procedures with the JET within the JICA, which forced the Project to postpone the training in Japan from June 2016 to August 2016. Third, the design of the Project in the second phase, which focuses on the implementation of priority projects in the Hanoi DOC and the TTH Province, requires more coordination and cooperation among various stakeholders. Fourth, as several counterparts and the JET pointed out, the communication and coordination problems were sometimes arisen between two parties. This might also affect the efficiency of implementation of activities to some extent (See also 3. Implementation).

- Considering the above, the Project's efficiency as a whole is medium to moderately high.

4.4 Impact (Prospects): Some positive impacts have emerged.

Prospect of achievement of the Overall Goal

- At the time of the Terminal Evaluation, it was too early to predict the achievement of the Overall Goal. That is because the guiding references described in the Indicator 1 has yet to be finalized and distributed. Furthermore, this Indicator alone is not enough to measure whether the ISWM system on municipal solid waste is established in accordance with the National Strategy on ISWM.

Ripple effects and positive impacts

By the time of the Terminal Evaluation, the following impacts have already emerged:

- The Project has been involved in drafting or commenting eight legal documents, of which the following four legal documents have already come into force: 1) Decree No.38/2015/ND-CP dated on 24/4/2015 of the Government on Waste and Scrap Management; 2) Circular No.07/2017/TT-BXD dated on 15/5/2017 on guiding the determination of service price for domestic solid waste treatment service; 3) Circular No.08/2017/TT-BXD dated on 16/5/2017 on management of construction waste; and 4) QCVN07:2016/BXD National Technical Regulations on Technical Infrastructure Works.
- The Project has coordinated with and facilitated the TTH PPC and Fukuoka Prefectural Government in Japan to discuss the technical support for construction of a semi-aerobic landfill in Huong Binh. As a result, both parties have exchanged the official letters for this cooperation. The Memorandum of Understanding is expected to be signed after the field surveys in October 2017.

⁸ The total person-months were 116.97 M/M for the first phase and 47.95 M/M for the second phase. It should be noted that the first phase was designed to identify issues of SWM, develop the tools including legal documents and guiding references for addressing these issues, and to develop the Implementation Plan in Hanoi City and the ISWM Master Plan in TTH Province. The second phase was planned to disseminate the tools developed and implement the determined activities in the above-mentioned plans. Based on the design of the Project, the number of experts and the person-months were determined.

A

pp

4.5 Sustainability (Prospects): Not predictable

Policy aspect: High

- The MOC and the Hanoi DOC as well as the TTH Province have demonstrated a policy commitment with a sense of ownership to aim for establishing the ISWM at the national and city/provincial levels. The Project has largely contributed to establishing the policy and legal framework for effective implementation of ISWM by drafting legal documents on SWM. The current policy is expected to be sustained after the completion of the Project. However, it should be noted that the current scope of work for the MSWM are still overlapped within the central agencies as well as provincial agencies. At the time of the Terminal Evaluation, it was not clear whether the mandate of these agencies including the MOC will be drastically changed. Thus, it is fair to say that the sustainability of the policy aspect is likely to be high if the important assumption is met.

Institutional aspect: Not predictable

- Drafting the new legal documents and amending existing ones on SWM in the Project have contributed to strengthening the institutional framework in the field of SWM at the national and provincial levels. Such an institutional framework will be sustained because some of legal documents have already come into force.
- The data system of the national SWM statistics and the dissemination of guiding references on waste management are likely to be sustained because the MOC has just started to consider the institutionalization of these activities. Concerning the CSS, most of the counterparts highly appreciated its effectiveness and had the strong willingness to continue such activities. However, some of them were concerned about its sustainability because the MOC has no exclusive budget line for this. Others pointed out that CSS is less likely to be sustained if it is considered as formal training programs of SWM. That is because the MOC has no mandate of provision of such training.
- As the counterparts of the Hanoi DOC pointed out, the sustainability of the priority projects in the institutional aspect seems to largely depend on the availability of budget.
- The TTH Steering Committee is likely to be sustained even after the termination of the Project because the Vice Chairperson and its members have the strong willingness to keep it in place for the implementation of the Master Plan. However, it was hard to predict the sustainability of priority projects in the institutional aspect because they just started one year ago.
- Given the above, it is hard to predict the sustainability in the institutional aspect at the time of the Terminal Evaluation.

Organizational aspect: Moderately high

- The MOC, the Hanoi DOC and the TTH DOC have the sense of ownership and responsibility for SWM. Most of the counterparts of the Project are likely to keep working for SWM even after the



completion of the Project. As many counterparts mentioned, each agency has the limited number of staff who are in charge of SWM. They need to work other tasks, too. If the budget is available, some tasks are contracted out to local consultants.

- The workload of each agencies in terms of ISWM is highly expected to increase in the future.
- Considering the above, it is fair to say that the sustainability of the organizational aspect is likely to be moderately high.

Financial aspect: Not predictable

- As mentioned before, the MOC does not have any exclusive budget line for CSS. At the time of the Terminal Evaluation, it was unlikely to allocate the minimum budget for this after the termination of the Project. According to the counterparts of MOC, the data management system of the national SWM statistics and the use of guiding references on waste management will not require much budget.
- The budget allocation is a key issue for the sustainability of the implementation and expansion of priority projects in both the Hanoi DOC and the TTH Province. However, it was not clear how much the budget needed to be allocated and how it needed to be secured.

Technical aspect: Not predictable

- By the time of the Terminal Evaluation, about 100 people in total including central and provincial agencies attended the training in Japan. Even after the completion of the Project, they were most likely to apply their knowledge and experiences obtained by these training programs since some of them have already initiated to apply what they learned to the respective works.
- The JET has started to transfer the skills and knowhow of data management of SWM statistics. Several counterparts trained by the JET noted that they were confident of dealing with the data aggregation and analysis after the completion of the Project.
- The counterparts of MOC are likely to acquire the knowledge and know-how of CSS programs to be organized four times by the end of the Project.
- The counterparts of the Hanoi DOC and the TTH Province have steadily enhanced their capacity to manage ISWM through the Project activities. However, whether they can take initiatives in conducting the priority projects after the end of the Project still remains a concern. That is because the JET has taken the lead in undertaking most of activities even during the second phase.
- Overall, the capacity of counterparts of the Project has been gradually enhanced. On the other hand, it was hard to assess and predict the extent of capacity improvement because of no relevant data of capacity assessment.
- Considering the above, it was not possible to predict the sustainability of the Project in the technical aspect.

AH

PK

5. Conclusion

The Project has drafted both the new legal documents and the amended ones related to SWM, which can be considered as the substantial achievements of the Project. All three Outputs have been almost achieved based on the PDM. The Team was, however, unable to assess all four Indicators of the achievement of the Project Purpose objectively because of some drawbacks of these Indicators.

As for the results of the five evaluation criteria, the Project has a high degree of relevance, while the Project has a moderately high degree of effectiveness, and a medium to moderately high degree of efficiency. At the time of the Terminal Evaluation, some positive impacts such as enactment and enforcement of four legal documents drafted or commented by the Project have been already observed. The Team was unable to predict the overall sustainability of the Project because most of the priority projects in Hanoi City and TTH Province have just started.

Considering the above circumstances, the Team concludes that the Project should be terminated as planned with the prospect of distribution of the guiding reference and of continuity of the priority projects through appropriate technical transfer of the JET by the end of the project.

To implement the remaining activities and make the Project sustainable, it is recommended that the Project and the Vietnamese side duly take into account the recommendations as listed below.

6. Recommendations

The Team made the following recommendations to be implemented during the Project period based on the results of evaluation.

6.1 Recommendations to be implemented during the Project period

(1) Redesigning and undertaking the capacity assessment

It is recommended that the Project identify the capacity of staff of each agency to be sustained or further strengthen for establishing ISWM system on municipal solid waste even after the termination of the Project. The Project also needs to redesign the capacity assessment by setting the evaluation criteria, and to undertake it as soon as possible. The format of capacity assessment is expected to be used during the Ex-Post Evaluation Study.

(2) Revising the Indicators of the short-term Overall Goal

To measure the achievement of the short-term Overall Goal objectively during the Ex-Post Evaluation, it is recommendable to set additional indicators such as implementation of data collection and management of national SWM statistics every year.

(3) Clarifying the methods of dissemination of the guiding references and the booklet titled “Vietnam Waste at a Glance”

The Project is expected to finalize and distribute the guiding references on waste management and the booklet titled “Vietnam Waste at a Glance”. It is recommended that the Project clarify the effective methods of dissemination of these deliverables even after the termination of the Project.

(4) Transfer various know-how of major activities of the Project from the JET

[MOC]

- The MOC needs to fully gain the know-how and skills of the data management of national SWM statistics and management of CSS from the JET to ensure the sustainability of the Project.

[Hanoi DOC]

- The Hanoi DOC, in coordination with the JET needs to discuss the necessary measures for implementing the priority projects with the HPC and establishing ISWM including budget allocation.
- The Hanoi DOC is expected to acquire the know-how of implementation of the priority project of STS.

[TTH DOC/Steering Committee]

- The TTH DOC and the members of the Steering Committee, in coordination with the JET, need to clarify the framework and the plan of operation of the priority projects after the end of the Project. It is also encouraged to compile the good practice of priority projects with the support of the JET.
- The TTH DOC and other members of the Steering Committee need to acquire the know-how of undertaking the priority projects from the JET.

(5) Sharing knowledge at the workshop

The Project will organize a sharing workshop to disseminate the guiding references and other outputs by the end of the Project. The counterparts of respective agencies, instead of the JET, are encouraged to present and share their know-how, skills and knowledge gained through the Project activities.

6.2 Recommendations to be implemented after the termination of the Project

(1) Keeping implementing the major activities of the Project

- The MOC should keep implementing the activities of data management of national SWM statistics, integration of CSS into existing seminars and workshops, and dissemination of guiding references on waste management.
- The Hanoi DOC should carry out the priority projects and revise the Master Plan by using the guiding reference of formulation of the ISWM Master Plan developed by the Project.

A

fl

- The TTH Province should keep undertaking the priority projects and share these experiences and lessons learned with other cities/provinces.

7. Lessons Learned

The Team identified the following lesson learned from the Project.

(1) The need for designing a capacity assessment carefully to make it a basis for evaluation

The capacity assessment was designed in this Project to assess the individual, institutional and organizational capacities of implementing and cooperating agencies. The evaluation could have been much more easily and effectively done if it would have been properly designed to provide the relevant data that can serve as the basis for PDM indicators and evaluation. A capacity assessment should be carefully designed and implemented at a proper timing in order to analyze and evaluate the extent of improvement of capacity as well as the interrelation of project activities.

-END-

